

Bản án số: 929/2022/HS-PT

Ngày: 16/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: bà Đinh Ngọc Thu Hương

ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Khánh Toàn, Kiểm sát viên.

Từ ngày 12/12/2022 đến ngày 16/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 569/2022/TLPT - HS ngày 11/08/2022 đối với các bị cáo Trương V, Tống Thị Bích L, Châu Thị K, Nguyễn Thị Mỹ D;

Do có kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của người bị hại và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số 300/2022/HS-ST ngày 02/07/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

-Các bị cáo kháng cáo: bị cáo Trương V, bị cáo Tống Thị Bích L, bị cáo Châu Thị K, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D;

-Người bị hại kháng cáo: công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T; công ty cổ phần đầu tư **K C X**; ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh);

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo: **công ty cổ phần Xuất nhập khẩu B H** (nay là Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO); công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM); ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh Sài Gòn- Thành phố Hồ Chí Minh); ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh Trung tâm Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh).

1/Bị cáo có kháng cáo:

1.1/Bị cáo Trương V: sinh ngày 04/12/1959, tại Quảng Nam; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: số 137 Hoàng Văn Thụ, Phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nguyên là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Upexim; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Trương Yên và bà Nguyễn Thị Thu; có vợ và 02 người con (người con lớn sinh năm 1987; người con nhỏ sinh năm 1990);

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 09/08/2018 bị Tòa án Quân sự Trung ương xử phạt 12 năm tù (bản án số 04/2018/HS-PT2 ngày 09/8/2018);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/08/2013 (có mặt).

1.2/Bị cáo Tống Thị Bích L: sinh ngày 05/03/1958 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKNKTT: số 98/16/3 Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: số 28/1/29 Phan Đình Giót, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nguyên là Giám đốc công ty cổ phần xuất nhập khẩu Biên Hòa; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: đã bỏ sinh hoạt Đảng từ tháng 07/2013; con ông Tống Đình Huệ (chết) và bà Trần Kim Phần (chết); bị cáo có chồng (đã ly hôn) và 02 con (lớn sinh năm 1978, nhỏ sinh năm 1980);

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

1.3/Bị cáo Châu Thị K: sinh ngày 10/05/1963 tại tỉnh Bình Định; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: số 226/14 đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 3, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: nguyên là Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng công ty cổ phần xuất nhập khẩu Biên Hòa; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Châu Bích (chết) và bà Châu Thị Nghé (là liệt sĩ); bị cáo có chồng và 01 con sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

1.4/Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D: sinh ngày 20/12/1960, tại tỉnh Đồng Nai; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: số 62/37/1 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: nhân viên Phòng Kinh doanh

công ty cổ phần xuất nhập khẩu Biên Hòa; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Miên (chết) và bà Lưu Thị Chuật (chết); bị cáo có chồng (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 1986;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trương V:

-Luật sư Nguyễn Hoài Nam, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

-Luật sư Ngô Trọng Hoàng, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Tống Thị Bích L:

-Luật sư Phan Trung Hoài, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Châu Thị K:

-Luật sư Trịnh Văn Hiệp, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam (có mặt).

2/ Người bị hại có kháng cáo:

2.1/Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T;

Địa chỉ: 28 H V H, phường 9, quận Phú Nhuận,

Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện của công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T (giấy ủy quyền ngày 18/03/2019:

-Bà Lương Thị Bích D, sinh năm 1989 (có mặt);

-Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1994 (vắng mặt do có văn bản ghi ngày 09/12/2022 yêu cầu xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền lợi của công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T:

-Luật sư Nguyễn Thị Huyền T, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

-Luật sư Lê Thị Bích Chi, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2.2/Công ty cổ phần đầu tư K C X;

Địa chỉ: 19-21 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1,

Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện của công ty cổ phần đầu tư K C X (giấy ủy quyền ngày 27/06/2022):

Bà Vũ Thị N, sinh năm 1983 (có mặt).

2.3/Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chỉ nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chỉ nhánh 1).

Địa chỉ trước đây: 428 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1,

Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ hiện nay: 49 Phạm Viêt Chánh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo thông báo số 641/TB-NHN_O.1-TH ngày 21/11/2022 của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chỉ nhánh 1).

Người đại diện của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chỉ nhánh 1 (giấy ủy quyền số 57/GUQ-NHN_O-TH ngày 08/12/2022):

Ông Ngô Văn Nam, sinh năm 1977 (có mặt);

Người bảo vệ quyền lợi của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chỉ nhánh 1:

Luật sư Nguyễn Trọng Thọ, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

3.1/Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu B H (nay là Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO).

Địa chỉ: 833A xa lộ Hà Nội, khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 01/11/2022):

Ông Phạm Nam Hưng, sinh năm 1965 (có mặt);

Người bảo vệ quyền lợi của công ty cổ phần Xuất nhập khẩu B H (nay là Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO):

Luật sư Cao Đức Nhuận, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

3.2/Công ty cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiểu thủ công nghiệp (UPEXIM);

Địa chỉ: 4 - 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 18/11/2022):

-Ông Nguyễn Hữu Lăng, sinh năm 1950 (có mặt);

-Ông Nguyễn Xuân Nam, sinh năm 1956 (có mặt);

-Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết, sinh năm 1980 (có mặt);

-Bà Trương Thị D, sinh năm 1977 (có mặt);

-Bà Trịnh Thị Phương T, sinh năm 1973 (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi của công ty cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp:

-Luật sư Vũ Phi L, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

-Luật sư Lưu Tấn Anh T, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

-Luật sư Lê Thị H, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.3/Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chỉ nhánh Sài Gòn- Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 18/07/2017):

Bà Ngô Thị Kim Ph, sinh năm 1973 (có mặt);

Người bảo vệ quyền lợi của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chỉ nhánh Sài Gòn- Thành phố Hồ Chí Minh:

Luật sư Trần Mỹ L, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.4/Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chỉ nhánh Trung tâm Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền 17/01/2022):

-Ông Phạm Chu K, sinh năm 1967 (vắng mặt);

-Ông Đinh Tấn H, sinh năm 1998 (có mặt);

Ngoài ra, trong vụ án này, còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng họ không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (viết tắt là công ty Upexim) thành lập vào năm 2002, trụ sở tại số 4-6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (trụ sở thuê của Nhà nước); ngành nghề: sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công mỹ nghệ, sản xuất hàng may mặc...

Vào năm 2010, ông Trương V là Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) kiêm Tổng giám đốc công ty, đại diện cho 12% phần vốn của Nhà nước; các thành

viên khác của HĐQT công ty gồm có: bà Nguyễn Ngọc Dung, ông Nguyễn Quốc Ân, ông Phan Văn Ty và ông Nguyễn Thiên Thao.

Đến tháng 04/2012, thành viên HĐQT thay đổi như sau: ông Nguyễn Quốc Anh thay ông Nguyễn Quốc Ân; ông Chu Ngọc Sơn thay ông Phan Văn Ty.

Vào năm 2010, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có chủ trương bán (chỉ định) căn nhà, đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1 nói trên, cho công ty Upexim. Vào lúc này, công ty có khó khăn về tài chính, nên Trương V, cùng với HĐQT (gồm bà Nguyễn Ngọc Dung, ông Nguyễn Quốc Ân, ông Phan Văn Ty) đồng ý với chủ trương để cho công ty cổ phần Đầu tư-Xây dựng-Thương mại T (viết tắt là công ty T) tham gia góp vốn hợp tác kinh doanh, đầu tư xây dựng dự án Upex Tower tại số 4-6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1 (theo biên bản họp HĐQT công ty Upexim số 459/BB-HĐQT ngày 24/07/2010). Đến năm 2011, chủ trương này cũng được sự đồng ý, thông qua của Đại hội đồng cổ đông công ty Upexim.

Vào ngày 26/07/2010, Trương V, đại diện cho công ty Upexim, ký “*Hợp đồng hợp tác kinh doanh*” số 002/UPX-TĐC/2010 với ông Nguyễn Tấn Hiếu - Tổng giám đốc của công ty T;

Nội dung chính của hợp đồng như sau:

-Công ty Upexim và công ty T cùng nhau góp vốn để đầu tư, mua nhà đất, xây dựng và khai thác ngôi nhà tại khu đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu; giai đoạn đầu, mua khu đất với tổng trị giá 120 tỷ đồng, mỗi bên góp 50% (tương đương với 60 tỷ đồng). Điều 5 của hợp đồng ghi rõ như sau: Upexim “*không được phép mua bán, sang nhượng, cầm cố, thế chấp khu đất trên kể từ khi hai bên ký hợp đồng này nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của T*”. Tại Tiết c Điểm 2.3 Điều 2 của bản hợp đồng, hai bên thỏa thuận như sau: công ty Upexim chịu trách nhiệm làm thủ tục, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sử dụng nhà ở của căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu. Điểm 6.1 của hợp đồng quy định như sau: công ty T được hưởng lợi nhuận thu được từ việc kinh doanh, khai thác khu đất và tòa nhà, kể cả khi chuyển nhượng dự án.

Để thực hiện hợp đồng nói trên, từ ngày 29/07/2010 đến ngày 17/05/2011, công ty T đã chuyển đủ 60 tỷ đồng vào tài khoản của công ty Upexim. Kết quả của việc điều tra đã xác định rằng công ty Upexim chỉ sử dụng 10 tỷ đồng để trả tiền mua nhà, đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu; số tiền còn lại đã được kế toán công ty Upexim hạch toán, nhập vào quỹ công ty và được theo dõi trên sổ sách kế toán.

Vào ngày 18/11/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*” số BA399596 đối với căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1, cho công ty cổ phần sản xuất-xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (công ty Upexim); thời hạn công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, là 50 năm.

Sau đó, Trương V đã gian dối trong việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng thế chấp căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1, với những đơn vị khác, nhằm chiếm đoạt tài sản của họ; cụ thể như sau:

1/Hành vi của Trương V chiếm đoạt tiền của công ty cổ phần đầu tư K C X trong việc chuyển nhượng nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu:

Vào khoảng cuối tháng 11/2010, khi biết thông tin về chủ trương của Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Hồ Chí Minh sẽ bán chỉ định căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu cho công ty Upexim, thì ông Phùng Xuân Minh - Chủ tịch HĐQT của công ty cổ phần đầu tư **K C X** (viết tắt là công ty **K C X**) đã thương lượng với Trương V để mua lại căn nhà này; hai bên thỏa thuận giá mua bán nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu là 330 tỷ đồng. Khi hai bên giao dịch với nhau, Trương V không cho ông Phùng Xuân Minh biết rằng căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu đã là tài sản giao dịch giữa công ty Upexim và công ty T theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký kết vào năm 2010 (hợp đồng hợp tác kinh doanh số 002/UPX-TĐC/2010 ngày 26/07/2010) và công ty Upexim đã thế chấp tài sản này tại ngân hàng Vietcombank-chi nhánh Vĩnh Lộc để vay số tiền 25 tỷ đồng.

Vào ngày 16/03/2011, Trương V đã tự ý ký kết với ông Phùng Xuân Minh văn bản “*Hợp đồng hứa chuyển nhượng*” căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu quận 1 cho công ty **K C X**, nhưng ghi giá chuyển nhượng là 280 tỷ đồng.

Sau đó, công ty **K C X** gặp khó khăn về tài chính, không thể tiếp tục trả tiền mua nhà cho công ty Upexim, nên Trương V và ông Phùng Xuân Minh thỏa thuận với nhau về việc thế chấp căn nhà, đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn (viết tắt là Agribank Sài Gòn) để vay số tiền 110 tỷ đồng; nếu vay được tiền, công ty Upexim sẽ sử dụng 60 tỷ đồng và công ty **K C X** sử dụng 50 tỷ đồng; sau 06 tháng, công ty **K C X** phải chịu trách nhiệm trả lại cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 110 tỷ đồng và tiền lãi; số tiền này sẽ được tính vào số tiền tiếp tục trả để mua căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1.

Vì căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1 đã được hai bên ký kết hợp đồng mua-bán có công chứng, nên muốn thế chấp, thì phải hủy hợp đồng đã ký kết. Do đó, vào ngày 26/04/2012, Trương V- đại diện cho công ty Upexim, ký kết vi bằng với ông Phùng Xuân Minh - đại diện cho công ty **K C X**, tại Văn phòng Thừa phát lại quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về việc hủy bỏ hợp đồng mua-bán nhà, đất tại số 4-6 Hồ Tùng Mậu trong thời hạn 06 tháng và trong cùng ngày, hai bên tiến hành hủy hợp đồng mua-bán với công ty **K C X** tại Văn phòng Công chứng quận Tân Bình.

Kết quả của việc điều tra cho thấy rằng công ty Upexim không lưu giữ hợp đồng hứa chuyển nhượng và hợp đồng mua bán chính thức giữa công ty **K C X** với công ty Upexim. Trương V khai rằng khi bàn bạc thống nhất, ký hợp đồng hứa chuyển nhượng với ông Phùng Xuân Minh, thì Trương V gọi điện thoại, thông báo cho từng người trong HĐQT của công ty Upexim biết về việc chuyển nhượng nhà, đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu cho công ty **K C X** với giá 290 tỷ đồng. Trước khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng chính thức, công ty Upexim không tổ chức họp HĐQT mà Trương V yêu cầu Huỳnh Lê Tường (thư ký HĐQT) lập biên bản họp HĐQT có nội dung là mọi người thống nhất ủy quyền cho Trương V quyết định về giá cả và ký kết các thủ tục chuyển nhượng nhà, đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu cho công ty **K C X**; rồi sau đó, Trương V nói Huỳnh Lê Tường đưa biên bản cho các thành viên HĐQT ký tên; bản chính của hợp đồng hứa chuyển nhượng và hợp đồng chuyển nhượng (được công chứng) do Trương V giữ và có pho-to-co-py các bản hợp đồng, giao cho Phòng kế toán theo dõi thu tiền. Vì giữa ông Phùng Xuân Minh với Trương V còn có công nợ, nên việc theo dõi trên sổ sách của công ty vẫn để tại tài khoản 3388 (tài khoản phải thu, phải trả khác) mà không theo dõi thanh toán theo hợp đồng chuyển nhượng.

Các thành viên Hội đồng quản trị gồm có: ông Phan Văn Ty, bà Nguyễn Thị Bích Dung, ông Nguyễn Quốc Ân, ông Nguyễn Thiên Thao khai rằng không có cuộc họp HĐQT tổ chức vào ngày 07/12/2012; không biết vì sao lại có chữ ký của họ tại biên bản cuộc họp; không biết việc bán nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu cho công ty **K C X**. Tại biên bản họp HĐQT của công ty Upexim vào ngày 02/12/2011, có chữ ký của ông Phan Văn Ty, nhưng trong thực tế, ông Phan Văn Ty đã thôi chức danh “thành viên Hội đồng quản trị” kể từ ngày 01/11/2011; còn chữ ký của ông Nguyễn Thiên Thao tại biên bản này, là chữ ký giả.

Ông Huỳnh Lê Tường khai rằng đương sự không biết và không tham gia gì vào những việc có liên quan đến nhà, đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu. Kết quả điều tra xác định được rằng biên bản cuộc họp ngày 02/12/2011 là do Trương V tạo dựng.

Các ông Chu Ngọc Sơn, bà Phạm Hồng Thanh Trúc, bà Trần Thị Trang Nhung, ông Lâm Bá Bửu (Phòng kế toán của công ty Upexim) khai rằng họ không biết về hợp đồng hứa chuyển nhượng và hợp đồng chuyển nhượng nhà đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu cho công ty **K C X**; các khoản thu, chi liên quan đến ông Phùng Xuân Minh, đến công ty **K C X**, là do Trương V chỉ đạo kế toán ghi chép, theo dõi trên sổ sách theo tài khoản 3388 [là tài khoản để vay, mượn (phải thu, phải trả)], không theo dõi các hợp đồng chuyển nhượng.

Kết quả điều tra xác định rằng kể từ ngày 11/01/2011 đến ngày 17/12/2011 công ty **K C X** đã chuyển cho Trương V và công ty Upexim số tiền 120 tỷ đồng, trong đó công ty Upexim nhận số tiền 61 tỷ đồng (chuyển khoản 60 tỷ đồng + tiền mặt 01 tỷ đồng); Trương V nhận số tiền 59 tỷ đồng tiền mặt, nộp vào quỹ công ty Upexim 11,2 tỷ đồng, giữ lại sử dụng cho cá nhân số tiền 47,8 tỷ đồng.

Kết quả điều tra cũng xác định rằng Trương V chỉ đạo dùng số tiền 72,2 tỷ đồng (bao gồm 61 tỷ đồng do công ty Upexim nhận + 11,2 tỷ đồng do Trương V nộp vào quỹ công ty Upexim) sau khi được nhập vào quỹ Công ty Upexim như sau:

-Chi 57.598.770.343 đồng cho các sự việc sau đây: (a)chi cho 05 công ty (gồm công ty Thiên Mẫn, Thiên Bảo, Toàn Cầu, Minh Quân, Phát Thịnh) số tiền 33.161.790.000 đồng; nội dung chi: ứng tiền hàng và thanh toán tiền hàng; (b)chi cho các công ty Thoại Anh, Căn Viên để hợp thức việc công ty Upexim trả nợ vay của công ty **B H** 2,6 tỷ đồng thông qua các hợp đồng khống; (c)chi cho Nguyễn Việt Hưng 1,6 tỷ đồng (Trương V khai rằng đây là chi phí ngoại giao để mua chỉ định nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng Nguyễn Việt Hưng khai rằng không nhận số tiền này); (d)chi cho các cá nhân để trả tiền vay: 19.068.635.000 đồng (khi xác minh việc Trương V vay tiền của các cá nhân, kết quả cho thấy việc Trương V vay tiền với lãi suất cao không thông qua Đại hội đồng cổ đông, HĐQT của công ty Upexim; việc thu-chi đều do Trương V quyết định với mục đích vay để đảo nợ; sổ quỹ của công ty Upexim có hạch toán các khoản tiền vay-trả cho các cá nhân, nhưng trên các phiếu thu và chi, đều không có chữ ký của các cá nhân cho vay và nhận tiền;

những người này khai rằng chỉ cho Trương V vay tiền, không phải cho công ty Upexim vay tiền);

-Chi 14.601.229.657 đồng cho các sự việc sau đây: chi cho các doanh nghiệp khác (công ty Cao su Phú Riềng, Rubico, công ty điện Đông Nam, Cienco 585) để mua cao su, trả tiền hợp tác, số tiền 3.792.670.400 đồng; chi trả gốc, lãi ngân hàng, tiền thuế, bảo hiểm xã hội, số tiền 10.808.559.257 đồng; thanh toán chi phí của công ty Upexim.

Với các tài liệu điều tra nói trên, có đủ căn cứ xác định rằng Trương V đã làm giả biên bản họp HĐQT ngày 02/12/2011 có nội dung ủy quyền cho Trương V quyết định giá cả và ký các thủ tục chuyển nhượng nhà đất tại số 4-6 Hồ Tùng Mậu cho công ty **K C X**; tự ý quyết định ký hợp đồng hứa chuyển nhượng, hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu cho công ty **K C X** mà không thông qua HĐQT của công ty Upexim. Khi ký hợp đồng chuyển nhượng, Trương V đã gian dối, không cho ông Phùng Xuân Minh - Chủ tịch HĐQT công ty **K C X** biết rằng nhà, đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu là tài sản đã hợp tác kinh doanh với 50% vốn góp của công ty T và nếu chuyển nhượng cho người khác, phải có sự đồng ý của công ty T. Số tiền 120 tỷ đồng nhận của công ty **K C X**, Trương V chỉ đưa vào công ty Upexim 72,2 tỷ đồng; phần tiền còn lại 47,8 tỷ đồng, Trương V không nộp vào công ty Upexim, để dùng cho bản thân, hiện nay không thể trả lại.

2/Hành vi Trương V chiếm đoạt 24 tỷ đồng của công ty T:

Vào ngày 08/05/2012 và ngày 28/05/2012, mặc dù đã thế chấp căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu tại Agribank Sài Gòn để bảo đảm cho khoản vay 110 tỷ đồng của công ty Minh Quân và công ty Toàn Cầu (là 02 công ty do Trương V thành lập và chi phối), nhưng Trương V vẫn thực hiện việc chiếm đoạt số tiền 24 tỷ đồng của công ty T thông qua giao dịch chuyển nhượng bổ sung cho công ty T 20% phần vốn góp tính trên hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 24/07/2010; sự việc diễn ra như sau:

-Công ty Upexim còn nợ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vĩnh Lộc (Vietcombank Vĩnh Lộc) một khoản tiền vay 24 tỷ đồng đã quá hạn thanh toán; tài sản bảo đảm là quyền sử dụng nhà, đất hình thành trong tương lai tại số 4-6 Hồ Tùng Mậu (vay ngày 27/01/2011 để lấy tiền mua tài sản nhà, đất tại số 4-6 Hồ Tùng Mậu).

Để có tiền trả nợ cho Vietcombank Vĩnh Lộc, vào ngày 12/12/2012, Trương V đã thông qua HĐQT về chủ trương như sau: công ty Upexim chấp

nhận chuyển nhượng bổ sung cho công ty T 20% phần vốn góp trên toàn bộ hợp đồng hợp tác kinh doanh và giao quyền cho Trương V - Chủ tịch HĐQT, thực hiện việc đàm phán và ký kết phụ lục hợp đồng theo nội dung vừa nêu. Vào cùng ngày 12/12/2012, Trương V ký “*Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh*” số 01/002/UPX-T/2010 với Tổng giám đốc công ty T, điều chỉnh lại phần vốn góp của công ty Upexim là 30%, của công ty T là 70%. Trong các ngày 13, 14 và 17/12/2012, công ty T đã chuyển khoản cho công ty Upexim số tiền 24 tỷ đồng (tương đương với phần tăng vốn 20% như thỏa thuận). Sau đó, Trương V dùng số tiền này để trả nợ Vietcombank Vĩnh Lộc.

Tuy nhiên, khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng thêm 20% vốn góp có trong căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu (cho công ty T) để lấy số tiền 24 tỷ đồng, Trương V đã che giấu, không cho công ty T biết rằng vào ngày 08/05/2012 và ngày 28/05/2012 trước đó, căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu đã thế chấp tại Agribank Sài Gòn để bảo đảm cho khoản vay 110 tỷ đồng của công ty Minh Quân và công ty Toàn Cầu.

Cho đến nay Trương V không trả được cho công ty T số tiền 24 tỷ đồng nói trên.

Mặc dù số tiền 24 tỷ đồng nói trên được dùng để trả nợ cho khoản vay của công ty Upexim (vay của Vietcombank Vĩnh Lộc), nhưng vì Upexim là công ty cổ phần, trong đó, cổ phần của Trương V chiếm 31,76%; việc vay số tiền 24 tỷ đồng tại Vietcombank Vĩnh Lộc nhằm để mua căn nhà, đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu (trong đó có quyền lợi của Trương V). Do đó, về mặt pháp lý, hành vi này của Trương V là hành vi lừa đảo công ty T để chiếm đoạt tiền.

Đối với ông Nguyễn Quốc Anh và ông Chu Ngọc Sơn (là các thành viên của HĐQT công ty Upexim), đã đồng ý với Trương V về chủ trương chuyển nhượng cho công ty T thêm 20% thị phần đối với tài sản đã đem thế chấp, hành vi của họ là sai. Tại cơ quan điều tra, những người này khai rằng do không hiểu được các hoạt động kinh doanh của công ty, nên đã đồng ý với chủ trương do Trương V đưa ra (nhằm để trả nợ Vietcombank Vĩnh Lộc, tránh bị kiện tụng ra Tòa án); bản thân họ không có quyền quyết định về vấn đề gì. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự của ông Nguyễn Quốc Anh và ông Chu Ngọc Sơn.

3/Hành vi của Trương V chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh:

Vào ngày 27/10/2008, công ty Upexim, do Trương V làm đại diện, ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Agribank quận 1) do ông Lê Hoàng Long - Giám đốc làm đại diện, để vay số tiền 4,8 tỷ đồng; tài sản thế chấp là thửa đất số 50, tờ bản đồ A4 (DC07) tại xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy chứng nhận QSDĐ) số AM589732 ngày 09/10/2008 do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Dương cấp, là tài sản của công ty Upexim.

Đến ngày 19/03/2009, công ty Upexim đã tắt toán khoản nợ và thanh lý hợp đồng tín dụng, nhưng giấy chứng nhận QSDĐ này vẫn để tại Agribank quận 1, không thể chấp cho bất cứ khoản vay nào.

Đến năm 2010, Trương V chỉ đạo cho nhân viên của công ty Upexim báo mất giấy chứng nhận QSDĐ số AM589732 ngày 09/10/2008 và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ mang số BA163257 ngày 06/10/2010. Tuy nhiên, khi cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ mới, thì giấy chứng nhận QSDĐ cũ (giấy chứng nhận QSDĐ số AM589732 ngày 09/10/2008) của thửa đất số 50 đã không được xóa bỏ tại sổ của Văn phòng Địa chính và Văn phòng Đăng ký QSDĐ tỉnh Bình Dương; cơ quan này cũng không thông báo cho các Phòng công chứng biết sự việc thửa đất số 50 đã được cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ mới. Như vậy, kể ngày 06/10/2010, cùng một thửa đất số 50, tờ bản đồ A4 (DC07) tại xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, đã có 02 giấy chứng nhận QSDĐ do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

Vào ngày 24/10/2010, HĐQT ủy quyền cho ông Chu Ngọc Sơn - Trưởng Phòng kế toán công ty Upexim, ký kết hợp đồng số 248.10.702.2323.BD, thế chấp thửa đất số 50 (theo giấy chứng nhận QSDĐ số BA163257 ngày 06/10/2010) cho ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - chi nhánh Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là MB Chợ Lớn), bảo đảm cho số tiền vay 10 tỷ đồng của công ty Upexim; hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Dương và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký QSDĐ tỉnh Bình Dương.

Sau đó, vào ngày 14/12/2011, công ty Upexim do Trương V làm đại diện, ký kết hợp đồng tín dụng số 1601LAV201100477 để vay Agribank quận 1 số tiền 14,5 tỷ đồng, thời hạn vay là 3 tháng. Đối với hợp đồng tín dụng này, Trương V dùng giấy chứng nhận QSDĐ số AM589732 ngày 09/10/2008 (giấy chứng nhận QSDĐ cũ) để thế chấp (cũng là thửa đất số 50 tờ bản đồ A4 (DC07)

tại xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương) cho Agribank quận 1 (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 160-LCP-2011323 ngày 20/12/2011 do ông Nguyễn Tấn Hoàng - nhân viên Phòng kế toán được HĐQT công ty Upexim ủy quyền, ký kết); tài sản này được định giá là 9.257.600.000 đồng, dùng để đảm bảo cho số tiền 6.943.200.000 đồng trong tổng số 14,5 tỷ đồng vay.

Sau nhiều lần đảo nợ, đến ngày 24/12/2012, Trương V, đại diện công ty Upexim, ký kết hợp đồng tín dụng số 1601LAV201200422, vay Agribank quận 1 số tiền 14,3 tỷ đồng, thời hạn vay 3 tháng. Trong hợp đồng này, Trương V tiếp tục dùng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1601-LCP-201100323 ngày 20/12/2011 để thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 50 theo giấy chứng nhận QSDĐ số AM589732 ngày 09/10/2008 (giấy chứng nhận QSDĐ cũ, không còn giá trị), bảo đảm cho số tiền vay 6.943.200.000 đồng; thế chấp quyền sử dụng đất của thửa số 35, tờ bản đồ số 12 xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, bảo đảm cho số tiền vay 3.073.500.000 đồng.

Ngoài ra, Trương V còn thế chấp quyền sử dụng đất của thửa đất số 21, tờ bản đồ số 62 tại phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để bảo đảm cho số tiền vay 4.545.000.000 đồng.

Đến nay, những khoản tiền vay nói trên đã quá hạn; phía Agribank quận 1 không thể xử lý được tài sản bảo đảm (là thửa đất số 50) để thu hồi nợ bởi vì giấy chứng nhận QSDĐ số AM589732 ngày 09/10/2008 không còn giá trị.

4/Hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng của Tổng Thị Bích L, Châu Thị K và Trương V:

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu **B H** Biên Hòa (viết tắt là công ty **B H**) có trụ sở tại số 2 đường Cách Mạng Tháng Tám, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Công ty **B H** là doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Tổng công ty công nghiệp thực phẩm Dofico Đồng Nai (viết tắt là Tổng Công ty Dofico); Tổng Thị Bích L là Giám đốc, Châu Thị K là Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng của công ty.

Từ năm 2004, công ty Upexim và công ty **B H** đã có mối quan hệ kinh doanh với nhau. Trong quá trình kinh doanh, đến năm 2008, công ty Upexim còn nợ công ty **B H** số tiền 4.461.100.000 đồng nhưng không có tiền trả nợ. Vì vậy, Tổng Thị Bích L và Trương V đã bàn bạc, thỏa thuận cách thức như sau: công ty **B H** cho công ty Upexim vay tiền để trả các khoản nợ cho công ty **B H** bằng cách Trương V (đại diện công ty Upexim) hoặc Giám đốc các công ty

trung gian mà Trương V có thể chi phối (thí dụ như: công ty Thiên Mẫn, công ty Phát Thịnh, công ty Thiên Bảo, công ty Thanh Uyên, công ty Trung An, công ty Toàn Cầu, công ty Trí Việt, công ty Gia Kim, công ty Song Hưng...) ký kết các hợp đồng mua-bán hàng hóa khổng với công ty **B H**, để từ đó, công ty **B H** có thể vay tiền ngân hàng, vay tiền Tổng công ty Dofico và chuyển cho công ty Upexim vay, để sau đó, Trương V dùng trả các khoản nợ cũ của chính công ty **B H**.

Cách thức vay tiền và thu hồi tiền vốn, tiền lãi giữa công ty **B H** và công ty Upexim thực hiện như sau:

-Thứ nhất: công ty Upexim bán hàng cho công ty **B H**; công ty **B H** bán hàng cho công ty trung gian; công ty trung gian bán hàng cho công ty Upexim; cách thức chuyển tiền: công ty **B H** chuyển tiền cho công ty Upexim; công ty Upexim chuyển tiền cho công ty trung gian một phần, một phần còn lại đưa vào quỹ công ty Upexim sử dụng; công ty trung gian chuyển tiền cho công ty **B H** trả nợ tiền của các hợp đồng trước;

-Thứ hai: công ty trung gian thứ nhất bán hàng cho công ty **B H**; công ty **B H** bán hàng cho công ty Upexim (hoặc bán cho công ty trung gian thứ hai để công ty trung gian thứ hai bán cho công ty Upexim); công ty Upexim bán cho công ty trung gian thứ nhất; cách thức chuyển tiền: công ty **B H** chuyển tiền cho công ty trung gian thứ nhất; công ty trung gian thứ nhất chuyển tiền cho công ty Upexim; công ty Upexim chuyển tiền trả cho công ty **B H** (hoặc chuyển công ty trung gian thứ hai để công ty trung gian thứ hai chuyển cho công ty **B H**) để trả nợ các hợp đồng trước.

Kết quả điều tra đã xác định rằng từ năm 2009 đến năm 2013, công ty **B H** đã thực hiện 173 hợp đồng mua-bán hàng hóa khổng để cho công ty Upexim vay 1.228.287.020.195 đồng, hưởng chênh lệch thể hiện trên sổ sách **B H** là 37.004.568.720 đồng.

Tính đến lúc khởi tố vụ án (là ngày 05/08/2013), trên sổ sách kế toán thể hiện rằng công ty Upexim còn nợ công ty **B H** số tiền 148.462.392.120 đồng của 20 hợp đồng kinh tế (trong đó, công ty Upexim trực tiếp nợ 94.765.570.000 đồng; công ty Upexim nợ thông qua các công ty trung gian, là 53.696.822.120 đồng). Nếu không tính số tiền lãi (3.908.715.229 đồng), thì đến nay, công ty Upexim còn nợ công ty **B H** tổng số tiền là 144.553.676.891 đồng, trong đó công ty **B H** vay của Tổng công ty Dofico số tiền 15,4 tỷ đồng, vay của

Vietcombank Đồng Nai số tiền 25 tỷ đồng và sử dụng 104.153.286.891 đồng là vốn tự có, để cho công ty Upexim vay.

Đến nay, công ty **B H** đã sáp nhập với Tổng công ty Dofico nên Tổng công ty Dofico đã phải trả nợ khoản nợ 25 tỷ đồng của công ty **B H** cho Vietcombank Đồng Nai.

Các bị cáo Trương V, Tổng Thị Bích L đều thừa nhận rằng các hợp đồng nói trên là hợp đồng khống, không có hàng hóa thật, mục đích là để hợp thức hóa việc công ty **B H** cho công ty Upexim vay tiền. Trương V và Tổng Thị Bích L đã xác nhận vào bảng kê các số liệu theo các hợp đồng mua bán khống. Tài liệu điều tra thể hiện rằng biên bản kiểm kê các kho của công ty Upexim đều xác định không có hàng hóa gửi kho, hoặc hàng hóa mua-bán như các hợp đồng kinh tế nói trên; chứng từ thanh toán qua ngân hàng giữa công ty Upexim, công ty **B H** và các công ty trung gian thể hiện tiền được chuyển lòng vòng, rồi cuối cùng, chuyển về công ty **B H** để trả nợ. Ngoài ra, cơ quan điều tra cũng thu được chứng cứ, là các bản fax, thể hiện việc cho vay, tính lãi theo số ngày mà công ty **B H** chuyển tiền (bà Tổng Thị Bích L không thừa nhận đã nhận khoản tiền này)

Như vậy, có cơ sở xác định rằng Trương V và Tổng Thị Bích L đã thông đồng, chỉ đạo Châu Thị K và các nhân viên, lập các hợp đồng mua bán giữa công ty **B H** với công ty Upexim và các công ty trung gian do Trương V giới thiệu; sau đó, Tổng Thị Bích L dùng các hợp đồng này để lập hồ sơ tín dụng vay tiền của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai (viết tắt là Vietcombank Đồng Nai), vay tiền của Tổng công ty Dofico và lấy tiền của công ty **B H** để chuyển cho công ty Upexim vay và dùng để trả cho các khoản nợ trước đó, đối với công ty **B H**. Hành vi của Tổng Thị Bích L cho công ty Upexim vay trong thời gian dài, mang tính chất của hoạt động ngân hàng, là vi phạm Khoản 2 Điều 8 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hóa khống giữa công ty **B H** với công ty Upexim và các công ty trung gian, mặc dù thực tế không có chi phí giao nhận, không có chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa, nhưng Tổng Thị Bích L và Châu Thị K vẫn đồng ý cho Phòng kinh doanh trích phần trăm tiền khoán các chi phí tính trên tổng giá trị 10 hợp đồng mua-bán hàng hóa khống với các công ty Song Hưng, Trung An, Toàn Cầu, Minh Quân, Thiên Bảo, Thanh Uyên, Phát Thịnh, Trí Việt; Nguyễn Thị Mỹ D là người trực tiếp lập phiếu đề nghị thanh toán và rút số tiền 96.982.850 đồng rồi chuyển cho Tổng Thị Bích L; Tổng Thị Bích L khai rằng dùng số tiền này để chi vào tiền cầu đường

cho lái xe, chi liên hoan, tiếp khách của công ty; việc chi này không có chứng từ, không vào sổ sách kế toán, đã vi phạm Khoản 1 Điều 14 của Luật Kế toán năm 2003, làm thiệt hại cho **B H** số tiền 96.982.850 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Châu Thị K khai rằng không biết việc Tổng Thị Bích L và Trương V bàn bạc về chủ trương dùng các hợp đồng mua-bán hàng hóa không để công ty **B H** vay tiền của Vietcombank Đồng Nai, của Tổng công ty Dofico và dùng tiền của công ty **B H** để cho công ty Upexim vay lại; Châu Thị K chỉ là Trưởng phòng kế toán, chịu trách nhiệm thừa hành chỉ đạo của Ban Giám đốc công ty; việc ký nháy vào các biên bản gửi kho, nhận hàng và hóa đơn bán hàng, là làm theo chỉ đạo của Tổng Thị Bích L. Về hành vi rút tiền quỹ chi sai nguyên tắc, Châu Thị K cho rằng mình chỉ là Kế toán trưởng, không có quyền ra chủ trương khoán chi phí; do nghĩ rằng việc mua-bán giữa công ty **B H** và công ty Upexim là có thực, nên việc phát sinh các khoản chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh là phù hợp.

Tuy nhiên, kết quả điều tra xác định rằng Châu Thị K là người kiểm duyệt, là người đã ký (nháy) vào các hợp đồng mua-bán hàng hóa với công ty Upexim và các công ty trung gian, rồi sau đó mới chuyển cho Tổng Thị Bích L ký chính thức; Châu Thị K trực tiếp ký 03 phiếu nhập kho, ký nháy xác nhận 16 biên bản gửi kho, 13 biên bản nhận hàng, 14 hóa đơn bán hàng; tất cả các hợp đồng, chứng từ vừa nêu ra, đều là không, không có hàng hóa mua-bán thật.

Tổng Thị Bích L thì khẳng định rằng trong quá trình cho công ty Upexim vay tiền thông qua các hợp đồng mua bán hàng hóa không, Tổng Thị Bích L có bàn bạc và thống nhất với Châu Thị K - Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng công ty **B H**. Với vị trí làm việc của bản thân, thì Châu Thị K buộc phải biết việc công ty **B H** cho công ty Upexim vay tiền thông qua các hợp đồng mua-bán hàng hóa không và ký duyệt chi sai nguyên tắc, gây thiệt hại cho công ty **B H**.

Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D (cán bộ Phòng kinh doanh của công ty **B H**) khai rằng theo sự chỉ đạo của Châu Thị K, thì Nguyễn Thị Mỹ D ký các hóa đơn mua hàng, phiếu nhập hàng, mà thực tế không kiểm tra, không giao nhận hàng hóa.

Trần Thị Trang Nhung (Kế toán của công ty Upexim) khai rằng các hợp đồng mà công ty **B H** bán hàng cho các công ty trung gian; khi các công ty trung gian chưa kịp trả tiền cho công ty **B H** thì bà Châu Thị K là người đã gọi điện thoại cho Trần Thị Trang Nhung, yêu cầu công ty Upexim chuyển tiền cho các công ty trung gian để các công ty đó chuyển trả lại cho công ty **B H**.

Với các tài liệu nói trên, thì có căn cứ xác định rằng Châu Thị K, là Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng công ty **B H**, biết rõ việc công ty **B H** cho công ty Upexim vay tiền, thông qua các hợp đồng mua-bán hàng hóa không giữa các công ty Upexim, công ty **B H** và các công ty trung gian, nhưng vẫn ký duyệt chi tiền sai nguyên tắc, gây thiệt hại cho công ty **B H**.

Trong quá trình điều tra giải quyết vụ án này, công ty **B H** đã khởi kiện các công ty Phát Thịnh, Trí Việt, Thanh Uyên theo thủ tục dân sự tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tòa án quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và các Tòa án này đã ra bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, vì bản chất các hợp đồng đều là không và nhằm thực hiện hành vi sai phạm của các bị cáo liên quan, nên cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã kiến nghị xem xét lại các bản án, quyết định đó. Trên cơ sở đó, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, hủy các bản án, quyết định dân sự đã có hiệu lực pháp luật vừa nêu, để tiếp tục xử lý hình sự trong vụ án này.

Các ông Nguyễn Hưng Quốc - công ty Gia Kim; Nguyễn Quốc Anh - công ty Phát Thịnh; Võ Thành Không - công ty Toàn Cầu; Đậu Huy Song – công ty Song Hưng; Bùi Anh Tuấn- công ty Thiên Bảo; Hồ Hoàng Thám- công ty Trí Việt; Chu Vũ Thiên Hoàng - công ty Minh Quân; Lê Đăng Mưu - công ty Thanh Uyên; An Đức Cường - công ty Trung An đều khai nhận rằng việc soạn thảo, ký kết các hợp đồng kinh tế, các hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT), là làm theo chỉ đạo của Trương V; họ không biết rằng các hợp đồng mua-bán giữa công ty Upexim và công ty **B H** chỉ là để hợp thức hóa việc công ty Upexim vay tiền tại **B H**, nên mới đồng ý đứng ra làm công ty trung gian, ký hợp đồng nhằm để lấy doanh số. Công ty Gia Kim hưởng lợi 415.719.900 đồng, công ty Căn Viễn hưởng lợi 131.038.050 đồng chênh lệch từ những hợp đồng mua-bán không nói trên nhưng đã tự nguyện nộp lại số tiền vừa nêu. Kết quả điều tra cũng xác định rằng không có căn cứ kết luận Giám đốc các công ty trung gian vừa nêu, là người giữ vai trò giúp sức cho Tổng Thị Bích L và Trương V làm trái luật, gây thiệt hại cho **B H**.

5/Hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của Nguyễn Thị Mỹ D:

Nguyễn Thị Mỹ D là cán bộ Phòng kinh doanh của công ty **B H**, được giao nhiệm vụ thực hiện các hợp đồng mua-bán hàng hóa giữa công ty **B H** với công

ty Upexim và các công ty trung gian. Nhưng trong thực tế, Nguyễn Thị Mỹ D không thực hiện việc giao-nhận hàng hóa, không kiểm kê hàng tại kho của 20 hợp đồng mua-bán giữa công ty **B H** với công ty Upexim và các công ty trung gian khác. Vì tin tưởng và làm theo chỉ đạo của Tổng Thị Bích L và Châu Thị K, nên Nguyễn Thị Mỹ D đã ký 17 hóa đơn mua hàng, 03 giấy đề nghị thanh toán tiền hàng, 03 phiếu xuất kho, 19 phiếu nhập hàng của công ty Upexim và các công ty trung gian, để cho Tổng Thị Bích L, Châu Thị K lợi dụng, thực hiện hành vi cố ý làm trái gây thiệt hại cho công ty **B H** và Tổng công ty Dofico số tiền là 144.553.676.891 đồng.

Tình hình tài chính của công ty Upexim, tính đến ngày 31/03/2013 (thời điểm Trương V không còn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT công ty Upexim), như sau:

-Tổng tài sản là 993.178.529.985 đồng; nợ phải trả là 1.146.228.730.101 đồng;

-Tính đến tháng 03/2013, thực tế tài sản công ty Upexim là 213.532.504.609 đồng, gồm có: tiền mặt là 112.138.095 đồng; hàng tồn kho là 528.969.420 đồng; tài sản ngắn hạn khác là 5.238.955.170 đồng (thuế GTGT được khấu trừ); tài sản cố định: 202.811.530.040 đồng (tính theo giá mua); các khoản đầu tư tài chính dài hạn: 4.256.360.000 đồng; tài sản dài hạn khác: 38.550.884 đồng;

-Công ty Upexim còn nợ phải trả là 1.146.228.730.101 đồng (bao gồm các khoản vay ngân hàng, tiền vay phải trả công ty **B H**, Agribank Sài Gòn, công ty **K C X**, công ty T, các tổ chức và cá nhân khác có xác nhận nợ).

Như vậy, công ty Upexim bị mất khả năng thanh toán, số tiền là 932.696.225.492 đồng.

Tại bản cáo trạng số 28/CTr-VKSTC-V3 ngày 07/07/2021, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao truy tố các bị cáo về những tội như sau:

-Bị cáo Trương V bị truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điểm a Khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và truy tố về tội “*Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” theo Khoản 3 Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

-Các bị cáo Tổng Thị Bích L, Châu Thị K bị truy tố về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” theo Khoản 3 Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

- Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D bị truy tố về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo Khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 300/2022/HS-ST ngày 02/07/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử như sau:

1/Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 139; Khoản 3 Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17; Điều 58; Điểm s,v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trương V tù chung thân về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 14 năm tù về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, là tù chung thân.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt tù chung thân của bản án này với hình phạt 12 năm tù của bản án số 04/2018/HS-PT2 ngày 09/08/2018 của Tòa án Quân sự Trung ương, buộc bị cáo Trương V phải chấp hành là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 06/08/2013.

2/Căn cứ Khoản 3 Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17; Điều 58; Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Tống Thị Bích L 10 năm tù về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3/Căn cứ Khoản 3 Điều 165 của Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17; Điều 58; Điểm b, s, x Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Châu Thị K 08 năm tù về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4/Căn cứ Khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D 03 năm tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

5/Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ Luật Hình Sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

-Buộc bị cáo Trương V phải bồi thường số tiền 24.000.000.000 đồng cho công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T. Buộc công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) phải bồi hoàn lại cho bị cáo Trương V số tiền 24.000.000.000 đồng;

-Buộc bị cáo Trương V phải bồi thường cho công ty cổ phần đầu tư **K C X** số tiền 120.000.000.000 đồng. Buộc công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) phải bồi hoàn lại cho bị cáo Trương V số tiền 72.200.000.000 đồng;

-Buộc bị cáo Trương V phải bồi thường cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh quận 1) số tiền 6.943.200.000 đồng. Buộc công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) phải bồi hoàn lại cho bị cáo Trương V số tiền 6.943.200.000 đồng;

-Buộc bị cáo Trương V và công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) liên đới bồi thường cho Tổng công ty công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO) số tiền 144.553.676.891 đồng (theo tỷ lệ mỗi bên là 50%);

-Buộc các bị cáo Tổng Thị Bích L, Châu Thị K phải liên đới bồi thường lại cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO) số tiền 96.982.850 đồng(các bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ này - theo nhận định phía dưới).

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện khắc phục của bị cáo Tổng Thị Bích L số tiền 538.816.425 đồng; bị cáo Châu Thị K số tiền 38.816.425 đồng để khắc phục hậu quả cho hành vi cố ý làm trái mà các bị cáo đã gây ra. Giao toàn bộ số tiền mà các bị cáo Tổng Thị Bích L, Châu Thị K đã tự nguyện nộp và số tiền mà các công Ty TNHH TM và đầu tư Gia Kim, công ty TNHH Căn Viễn đã nộp, cho công ty Dofico để khắc phục hậu quả của vụ án. Theo đó, toàn bộ số tiền 96.982.850 đồng đã được khấu trừ vào số tiền mà bị cáo Tổng Thị Bích L, Châu Thị K đã khắc phục; số tiền còn lại trong số tiền mà các bị cáo Tổng Thị Bích L và Châu Thị K đã nộp là 480.650.000 đồng cùng với số tiền 415.719.900 đồng do công ty TNHH TM và đầu tư Gia Kim và số tiền 131.038.050 đồng do công ty TNHH Căn Viễn đã nộp sẽ được trừ vào số tiền mà bị cáo Trương V và công ty Upexim phải bồi hoàn cho công ty Dofico. Theo đó, số tiền còn lại mà bị cáo

Trương V và công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) còn phải liên đới bồi hoàn cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO) (theo tỷ lệ 50/50) là 143.526.268.941 đồng;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 546.757.950 đồng do công ty TNHH TM và đầu tư Gia Kim và công ty TNHH Căn Viễn nộp lại để đảm bảo thi hành án (theo các giấy nộp tiền ngày 27/05/2014; 07/10/2014; 20/01/2015 vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an);

Tiếp tục tạm giữ số tiền mà bị cáo Tống Thị Bích L nộp là 538.816.425 đồng và số tiền bị cáo Châu Thị K nộp là 38.816.425 đồng để bảo đảm thi hành án (theo biên lai thu số AA/2019/0024317 ngày 20/08/2019, AA/2016/0033814 ngày 23/03/2017, AA/2019/0024230 ngày 20/08/2019 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Đối với quan hệ tranh chấp giữa bị cáo Trương V và công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) liên quan đến việc Trương V chỉ đạo chi sử dụng tiền của công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) trong thời gian Trương V làm lãnh đạo công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM), đây là một quan hệ pháp luật khác, không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Tiếp tục duy trì lệnh kê biên số 01/C46B (P10) ngày 29/08/2013 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Bộ Công an đối với quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 4-6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 399596 do Sở tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/11/2011) để bảo đảm giải quyết những vấn đề sau đây:

-Xác định 50% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 4-6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc về công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T;

-Đối với 50% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 4-6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh còn lại, thuộc công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM), dùng để bảo đảm việc giải quyết hợp đồng tín dụng

số 1600 – LCP – 201200354 ngày 28/05/2012 với ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh Sài Gòn) theo quy định pháp luật.

Về lợi nhuận phát sinh từ việc khai thác, sử dụng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các bên có thể khởi kiện bằng thủ tục tố tụng khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Đối với nhà, đất tại số 251/6 Nguyễn Văn Trỗi, phường 10, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở với hồ sơ gốc số 25789/2001 và 30537/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp), Hội đồng xét xử xét các quan hệ tranh chấp liên quan đến tài sản này giữa bị cáo Trương V, bà Lâm Ngọc Lan, công ty cổ phần sản xuất-xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM), ngân hàng TMCP Đông Á (chi nhánh quận 1) và những người liên quan (nếu có) là quan hệ pháp luật khác, không liên quan trực tiếp đến vụ án nên xét cần tách ra, không giải quyết trong vụ án này. Vụ việc sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác nếu công ty cổ phần sản xuất- xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) hay các bên liên quan có yêu cầu. Hội đồng xét xử duy trì lệnh kê biên đối với tài sản này để bảo đảm cho việc giải quyết mối quan hệ giữa các bên; việc kê biên đối với tài sản sẽ đương nhiên chấm dứt khi các bên giải quyết, xử lý xong về quan hệ pháp luật phát sinh giữa các bên liên quan đến tài sản này.

Tiếp tục kê biên tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 110 Bộ địa chính phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, tại số 301 quốc lộ 1A, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 22.940,7 m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số AN 015665 do Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/11/2008 để bảo đảm cho việc quản lý, xử lý quan hệ thế chấp giữa công ty cổ phần sản xuất-xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) với ngân hàng TMCP Đông Á (chi nhánh quận 1), ngân hàng TMCP Đông Á (chi nhánh quận 5) theo quy định pháp luật.

Tiếp tục kê biên tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 12 tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, diện tích là 8.323 m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số AP 934496 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/09/2009 cho công ty Upexim để bảo đảm quản lý, xử lý quan hệ thế chấp giữa công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và

hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) và ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh quận 1) theo quy định pháp luật.

Tiếp tục kê biên tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 12 xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, diện tích là 43.888,6 m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số T00 737/CN-2007 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/07/2007 cho công ty Upexim để bảo đảm quản lý, xử lý quan hệ thế chấp giữa công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) và ngân hàng TMCP Đông Á (chi nhánh quận 1), ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh Trung tâm Sài Gòn) theo quy định pháp luật.

(các tài sản nói trên bị kê biên theo lệnh kê biên số 02/C03-P13 ngày 01/11/2018, lệnh kê biên số 03/C03-P13 ngày 01/11/2018, lệnh kê biên số 04/C03-P13 ngày 01/11/2018, lệnh kê biên số 05/C03-P13 ngày 01/11/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra- Bộ công an).

Do công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) còn có các nghĩa vụ phải thực hiện trong vụ án, nên phần tài sản còn lại (nếu có) sau khi xử lý xong các quan hệ thế chấp các khoản nợ nói trên theo quy định, thì sẽ được chuyển vào tài khoản của cơ quan Thi hành án sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) trong vụ án này và các nghĩa vụ khác của công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) (nếu có).

Tiếp tục duy trì ngăn chặn giao dịch đối với thửa đất số 50 tờ bản đồ A4 (DC07) tại xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, diện tích 4.418 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 163257 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/10/2010 để bảo đảm nghĩa vụ của công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) trong vụ án này và các nghĩa vụ khác của công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) (nếu có).

Tiếp tục duy trì ngăn chặn giao dịch đối với thửa đất số 828, tờ bản đồ thứ 1, diện tích 6.860 m² số 55/5 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 28, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định giao đất số 3595/QĐ-UB-QLĐT do UBND Thành phố Hồ Chí Minh giao ngày 27/10/1994 để bảo đảm cho việc giải quyết quan hệ thế chấp giữa công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) và ngân hàng Nông nghiệp và Phát

triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh Sài Gòn và các nghĩa vụ khác của công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) (nếu có).

(các thửa đất nói trên bị ngăn chặn giao dịch theo các công văn số 936/C46B (P10), 937/C46B (P10), 940/C46B (P10), 938/C46B (P10), 945/C46B (P10) ngày 05/11/2013 của cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an).

Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đã giao cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn số tiền 41.500.000.000 đồng do công ty cổ phần đầu tư **K C X** nộp lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, những người tham gia tố tụng kháng cáo bản án sơ thẩm như sau:

Kháng cáo của các bị cáo (04 bị cáo):

-Vào ngày 05/07/2022 và ngày 12/07/2022, bị cáo Trương V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, xin giảm hình phạt đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và xin xem xét lại phần trách nhiệm dân sự (phần buộc bị cáo Trương V và công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) liên đới bồi thường cho Tổng công ty công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO) số tiền 144.553.676.891 đồng, theo tỷ lệ mỗi bên là 50%);

-Vào ngày 06/07/2022, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo;

-Vào ngày 13/07/2022, bị cáo Tống Thị Bích L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, xin giảm hình phạt;

-Vào ngày 18/07/2022, bị cáo Châu Thị K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Kháng cáo của người bị hại (03 người bị hại):

-Vào ngày 12/07/2022, người bị hại là công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về những phần sau đây:

*Về trách nhiệm hình sự: xin giảm hình phạt cho bị cáo Trương V;

*Về trách nhiệm dân sự: yêu cầu Tòa án buộc công ty Upexim bồi thường số tiền 24 tỷ đồng (thay vì buộc bị cáo Trương V bồi thường 24 tỷ đồng) cho công ty T; buộc công ty Upexim phải trả cho công ty T lợi tức thu được từ việc

khai thác căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1, tính từ ngày 18/11/2011 (ngày mà công ty Upexim được cấp giấy CNQSDĐ).

-Vào ngày 13/07/2022, người bị hại là công ty cổ phần đầu tư **K C X** có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, như sau:

-Yêu cầu Tòa án tuyên buộc công ty Upexim phải trả lại cho công ty **K C X** số tiền 72,2 tỷ đồng (vì số tiền này đã được hạch toán vào tài khoản công ty Upexim); đối với số tiền còn lại là 47,8 tỷ đồng, yêu cầu buộc bị cáo Trương V liên đới cùng công ty Upexim trả lại cho công ty **K C X** (thay vì như bản án sơ thẩm buộc bị cáo Trương V trả lại 120 tỷ đồng cho công ty **K C X**);

-Yêu cầu xác định công ty **K C X** là người được ưu tiên thanh toán đầu tiên, khi xử lý căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1 và xử lý các tài sản khác của công ty Upexim.

-Vào ngày 14/07/2022, người bị hại là ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về những phần sau đây:

-Về trách nhiệm hình sự: yêu cầu tuyên bố bị cáo Trương V không phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh), chiếm đoạt số tiền 6.943.200.000 đồng;

-Về trách nhiệm dân sự:

*Yêu cầu Tòa án buộc công ty Upexim phải trả số tiền nợ gốc là 6.943.200.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ, theo hợp đồng tín dụng số 1601-LAV-201200422 ngày 24/12/2012 và hợp đồng thế chấp số 1601-LCP-201100323 ngày 20/12/2011, cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

*Tuyên hủy giấy CNQSDĐ số BA163257 ngày 06/10/2010 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho công ty Upexim và giữ nguyên hiệu lực của giấy CNQSDĐ số AM589732 ngày 09/10/2008 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho công ty Upexim;

*Tuyên hủy bỏ việc kê biên thửa đất số 35, tờ bản đồ số 12 tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (thuộc quyền sử dụng của công ty Upexim) để giao cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý tài sản thế chấp này theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết nói trên.

Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (04 người liên quan):

-Vào ngày 12/07/2022, ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh Trung tâm Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, như sau:

-Yêu cầu giải tỏa việc kê biên thửa đất số 165, tờ bản đồ số 12, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo giấy CNQSDĐ số AI834044 ngày 02/07/2007 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho công ty Upexim và giao tài sản này cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh Trung tâm Sài Gòn được quyền xử lý để thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng số 1604-LAV-201000932 ngày 29/11/2010 và hợp đồng thế chấp số 1604-LCP-201000589 ngày 18/01/2011 tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Bình Dương (đăng ký thế chấp vào ngày 20/01/2011 tại Văn phòng Đăng ký QSDĐ tỉnh Bình Dương);

-Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận việc giải tỏa thửa đất số 165, tờ bản đồ số 12, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên nói trên, thì yêu cầu Tòa án tuyên rõ việc phát mại thửa đất và ưu tiên thanh toán khoản nợ của công ty Upexim đối với ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh Trung tâm Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nói trên.

-Vào ngày 12/07/2022, Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai– một thành viên công ty TNHH (DOFICO) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, như sau:

-Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo Trương V và công ty Upexim liên đới (theo tỷ lệ mỗi bên là 50%) bồi thường số tiền 144.553.676.891 đồng cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai– một thành viên công ty TNHH, là không đúng bởi vì pháp nhân (công ty Upexim) phải chịu trách nhiệm về hành vi của bị cáo Trương V-nhân danh công ty Upexim-xác lập với **B H**.

Như vậy, Tòa án phải tuyên buộc Upexim trả số tiền 144.553.676.891 đồng cho Dofico. Trong trường hợp Upexim không trả được số tiền này, thì tuyên buộc bị cáo Trương V và tất cả các bị cáo có liên quan trong vụ án này, liên đới trả tiền cho Dofico.

-Vào ngày 12/07/2022 và ngày 15/07/2022, công ty cổ phần sản xuất- xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, như sau:

-Yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng hợp tác kinh doanh số 002/UPX-TDC ký kết vào ngày 26/07/2010 giữa công ty Upexim và công ty T là giao dịch trái pháp luật, phải giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi các bên liên quan có yêu cầu;

-Bản án sơ thẩm buộc công ty Upexim phải trả số tiền 72,2 tỷ đồng cho bị cáo Trương V là không đúng; lý do như sau: bị cáo Trương V đưa về công ty Upexim số tiền 72,2 tỷ đồng (là một phần trong tổng số tiền 120 tỷ đồng mà bị cáo Trương V nhận của công ty **K C X**) nhưng bị cáo đã tiêu dùng cho cá nhân là 57.598.770.343 đồng. Vì vậy, công ty Upexim chỉ phải chịu trách nhiệm về số tiền còn lại là 14.601.229.657 đồng;

-Yêu cầu Tòa án không buộc công ty Upexim phải trả lại cho bị cáo Trương V số tiền 6.943.200.000 đồng vì công ty Upexim không sử dụng số tiền này (số tiền vay từ Agribank quận 1);

-Giữa công ty Upexim và công ty **B H** không có bất kỳ giao dịch vay tiền nào, nhưng Tòa án sơ thẩm buộc công ty Upexim liên đới với bị cáo Trương V bồi thường cho Tổng công ty công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO) số tiền 144.553.676.891 đồng (theo tỷ lệ mỗi bên là 50%), là không đúng pháp luật.

-Vào ngày 13/07/2022, ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh Sài Gòn, có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, như sau:

-Agribank-chi nhánh Sài Gòn nhận thế chấp căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1 để bảo đảm cho khoản tiền vay 110 tỷ đồng của công ty Minh Quân và công ty Toàn Cầu (đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất-Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08/05 và 28/05/2012).

Vì vậy, yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm, cho phép Agribank-chi nhánh Sài Gòn được quyền phát mại tài sản là căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu nói trên để thu hồi nợ;

-Yêu cầu Tòa án giải tỏa việc ngăn chặn giao dịch đối với thửa đất tại số 55/5 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 28, quận Bình Thạnh để Agribank-chi nhánh Sài Gòn có thể thu hồi nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến như sau:

Ý kiến của các bị cáo:

Bị cáo Trương V trình bày yêu cầu kháng cáo như sau:

-Bị cáo xin giảm hình phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”;

-Bị cáo không lừa đảo công ty **K C X**, không lừa đảo công ty T;

-Số tiền vay 6,9 tỷ đồng của Agribank quận 1, bị cáo mang về cho công ty Upexim sử dụng toàn bộ;

-Đề nghị xem xét về phân trách nhiệm dân sự để có thể giảm bớt thiệt hại cho gia đình bị cáo (theo đơn kháng cáo đã nêu ra);

-Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 002/UPX-TDC/2010 ký kết vào ngày 26/07/2010 giữa Upexim và T, về thực chất, là hợp đồng giả tạo để che giấu giao dịch thật sự giữa hai bên, là giao dịch vay tiền. Đây là sự thật mà cho đến nay, bị cáo mới nói ra. Sở dĩ cho đến nay bị cáo mới nói ra sự thật này là vì trước đây, bị cáo hy vọng rằng công ty T sẽ giúp đỡ khi bị cáo bị khởi tố, truy tố. Nhưng vì không nhận được sự giúp đỡ của công ty T, nên bị cáo phải nói ra sự thật.

Bị cáo Tống Thị Bích L, bị cáo Châu Thị K, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D cùng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo.

Ý kiến của những người bị hại:

Ý kiến của công ty T:

-Thay đổi yêu cầu kháng cáo như sau: rút lại toàn bộ nội dung kháng cáo theo đơn ghi ngày 12/07/2022; yêu cầu hủy lệnh kê biên số 01 ngày 29/08/2013 của Cơ quan cảnh sát điều tra-Bộ Công an bởi vì lệnh kê biên này giao cho ông Cao Minh Sơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty Upexim) quản lý căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu là không đúng; ông Cao Minh Sơn không phải là chủ sở hữu tài sản; công ty Upexim quản lý căn nhà 4-6 Hồ Tùng Mậu không đúng yêu cầu của lệnh kê biên (tự ý cho thuê làm quán bar, nhà hàng); yêu cầu giao căn nhà này cho công ty T và Agribank-chi nhánh Sài Gòn cùng quản lý;

Ý kiến của công ty **K C X**: giữ nguyên kháng cáo như đơn ghi ngày 13/07/2022.

Ý kiến của Agribank quận 1:

-Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn ghi ngày 14/07/2022.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ý kiến của công ty Upexim:

-Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo ghi 12/07/2022 và ngày 15/07/2022.

Ý kiến của Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai– một thành viên công ty TNHH (Dofico) :

-Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo ghi ngày 12/07/2022.

Ý kiến của Agribank-chi nhánh Sài Gòn:

-Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo ghi ngày 13/07/2022.

Ý kiến của Agribank-chi nhánh trung tâm Sài Gòn:

-Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo ghi ngày 12/07/2022.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến như sau:

Đối với kháng cáo của bị cáo Trương V:

-Bị cáo cho rằng không lừa đảo công ty **K C X**, không lừa đảo Agribank-chi nhánh quận 1 và không lừa đảo T (số tiền 24 tỷ đồng) là không có căn cứ pháp luật;

-Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự, là có căn cứ pháp luật;

-Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai rằng hợp đồng hợp tác kinh doanh ký kết vào ngày 26/07/2010 với T là hợp đồng giả tạo; thực chất đây là hợp đồng vay tiền giữa hai bên. Mặc dù bị cáo khai lại như vậy, nhưng lời khai này không phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong thời gian vừa qua và có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo Tống Thị Bích L, bị cáo Châu Thị K và bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D:

-Trường hợp của bị cáo Tống Thị Bích L và bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D: không có tình tiết gì mới; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với hai bị cáo này;

-Trường hợp của bị cáo Châu Thị K: bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo bị bệnh tim rất nặng (tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo vắng mặt vì phải đi mổ tim), đề nghị xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với kháng cáo của 03 người bị hại:

-Đối với công ty **K C X**: không chấp nhận kháng cáo;

-Đối với Agribank-chi nhánh quận 1: không chấp nhận kháng cáo;

-Đối với công ty T: vẫn duy trì lệnh kê biên của cơ quan cảnh sát điều tra (lệnh kê biên số 01 ngày 29/08/2013 của Cơ quan cảnh sát điều tra-Bộ Công an) nhưng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của công ty T, giao căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu cho công ty T cùng quản lý với công ty Upexim (thay vì chỉ một mình công ty Upexim quản lý như hiện nay).

Đối với kháng cáo của 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Không chấp nhận kháng cáo của công ty Upexim, của Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai– một thành viên công ty TNHH (Dofico), của Agribank-chi nhánh Sài Gòn và của Agribank-chi nhánh trung tâm Sài Gòn.

(có bài phát biểu kèm theo).

Luật sư (bào chữa/bảo vệ quyền lợi) trình bày ý kiến như sau:

Luật sư bào chữa cho các bị cáo:

Luật sư Ngô Trọng Hoàng bào chữa cho bị cáo Trương V trình bày ý kiến như sau:

-Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký kết giữa Upexim và T vào ngày 26/07/2010 là hợp đồng vô hiệu, lý do như sau:

-Tại thời điểm ký kết, căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu chưa được cơ quan quản lý nhà Thành phố Hồ Chí Minh ký kết hợp đồng cho công ty Upexim tiếp tục được thuê;

-Không được thông qua đại hội đồng cổ đông công ty Upexim;

-Đây là hợp đồng giả để che giấu hợp đồng thật là hợp đồng vay tiền (tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương V có lời khai lại như vậy);

-Số tiền 60 tỷ đồng mà công ty T chuyển cho công ty Upexim, nhưng công ty Upexim không dùng số tiền này để mua căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1;

-Vi hợp đồng số 002 nói trên vô hiệu, dẫn đến hệ quả là bị cáo Trương V không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 24 tỷ đồng của công ty T và số tiền 120 tỷ đồng của công ty **K C X**.

Luật sư Nguyễn Hoài Nam bào chữa cho bị cáo Trương V trình bày ý kiến như sau:

-Việc bị cáo Trương V thế chấp thửa đất số 50 ở Bình Dương cho ngân hàng Quân đội, đã được Tòa án Quân sự Trung ương xét xử rồi, nên việc thế chấp thửa đất này cho Agribank-chi nhánh quận 1 không phải là hành vi phạm

tội (một hành vi phạm tội chỉ có thể xét xử một lần). Vì vậy, việc thế chấp thừa đất cho Agribank-chi nhánh quận 1 là hợp pháp;

-Đối với 173 hợp đồng với **B H**: là những hợp đồng không, thực chất là hợp đồng vay tiền; đây là giao dịch vay tiền hợp pháp giữa hai pháp nhân.

Với ý kiến nói trên, Luật sư đề nghị Tòa án tuyên bị cáo Trương V không phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và không phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”.

(có bài bào chữa kèm theo)

Luật sư Phan Trung Hoài bào chữa cho bị cáo Tổng Thị Bích L trình bày ý kiến như sau:

-Giữa công ty Upexim và công ty **B H** đã có mối quan hệ với nhau về kinh tế từ lâu. Vì vậy, việc công ty **B H** giúp đỡ công ty Upexim khi gặp khó khăn, là điều bình thường;

-Số tiền hơn 144 tỷ đồng mà công ty Upexim còn phải trả cho công ty **B H**, là chưa tính tiền lãi; Tòa án không buộc bị cáo Tổng Thị Bích L phải liên đới trả nợ, là đúng (vì bị cáo không được hưởng bất cứ lợi ích vật chất nào);

-Bị cáo Tổng Thị Bích L có nhân thân tốt; có thành tích trong công tác (được khen thưởng), có khắc phục thêm số tiền 38 triệu đồng ở lần xét xử sơ thẩm lần thứ hai; bị cáo là người cao tuổi. Như vậy, đây là hai tình tiết mới, đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

(có bài bào chữa kèm theo).

Luật sư Trịnh Văn Hiệp bào chữa cho bị cáo Châu Thị K trình bày ý kiến như sau:

-Đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc đã đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo Châu Thị K;

-Trong mối quan hệ giao dịch giữa công ty Upexim và công ty **B H** dẫn đến việc công ty **B H** thiệt hại hơn 144 tỷ đồng, bị cáo Châu Thị K không tham gia bàn bạc, giao dịch; bị cáo Châu Thị K chỉ có một số sai sót nhỏ và đã khắc phục thiệt hại;

-Bị cáo hỗ trợ cơ quan điều tra giải quyết sớm vụ án;

-Hoàn cảnh bị cáo có nhiều khó khăn; bị cáo bị bệnh tim nặng;

-Đề nghị giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

(có bài bào chữa kèm theo)

Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D tự bào chữa, như sau:

-Bị cáo chỉ là nhân viên bình thường, không có chức quyền, chỉ vì tin tưởng lãnh đạo công ty mà làm theo. Đề nghị Tòa án giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Ý kiến bảo vệ quyền lợi của người bị hại:

Ý kiến của công ty **K C X** (do bà Vũ Thị Nhung, đại diện):

-Yêu cầu Tòa án tuyên buộc công ty Upexim phải trả lại cho công ty **K C X** số tiền 72,2 tỷ đồng (vì số tiền này đã được hạch toán vào tài khoản công ty Upexim); đối với số tiền còn lại là 47,8 tỷ đồng, yêu cầu buộc bị cáo Trương V liên đới cùng công ty Upexim trả lại cho công ty **K C X** (thay vì như bản án sơ thẩm buộc bị cáo Trương V trả lại 120 tỷ đồng cho công ty **K C X**); lý do là vì nếu theo như bản án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo Trương V bị xử tù chung thân, thì không thể thi hành bản án. Mặt khác, công ty Upexim phải chịu trách nhiệm do hành vi của bị cáo Trương V (người của pháp nhân Upexim) gây ra.

-Yêu cầu xác định công ty **K C X** là người được ưu tiên thanh toán đầu tiên, khi xử lý căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1 và xử lý các tài sản khác của công ty Upexim.

Luật sư Nguyễn Trọng Thọ, bảo vệ quyền lợi của Agribank-chi nhánh quận 1, trình bày ý kiến như sau:

-Bị cáo Trương V không lừa đảo Agribank-chi nhánh quận 1 bởi vì việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp vào ngày 09/10/2008 của thửa đất số 50 tại Bình Dương, là hợp pháp; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần sau (vào ngày 06/10/2010, để bị cáo Trương V thế chấp cho ngân hàng Quân đội) mới là giấy không hợp pháp (vi phạm về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...). Vì vậy, giao dịch giữa Agribank-chi nhánh quận 1 và công ty Upexim qua việc vay số tiền 6,9 tỷ đồng, thế chấp thửa đất số 50, là giao dịch dân sự, phải giải quyết theo thủ tục dân sự.

-Đề nghị chấp nhận kháng cáo của Agribank-chi nhánh quận 1.

(có bài phát biểu kèm theo).

Luật sư Nguyễn Thị Huyền Trang và Luật sư Lê Thị Bích Chi bảo vệ quyền lợi của công ty T, trình bày ý kiến như sau:

-Rút lại nội dung kháng cáo trong đơn kháng cáo ngày 12/07/2022;

-Thay đổi yêu cầu kháng cáo như sau: yêu cầu hủy lệnh kê biên số 01 ngày 29/08/2013 của Cơ quan cảnh sát điều tra-Bộ Công an bởi vì lệnh này giao cho ông Cao Minh Sơn quản lý căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu là không đúng; ông Sơn không phải là chủ sở hữu tài sản; Upexim quản lý căn nhà 4-6 Hồ Tùng

Mậu không đúng yêu cầu của lệnh kê biên (tự ý cho thuê làm quán bar, nhà hàng); yêu cầu giao căn nhà này cho T và Agribank chi nhánh Sài Gòn cùng quản lý;

-Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương V khai rằng hợp đồng số 002 thực chất là hợp đồng vay tài sản giữa Upexim và T. Lời khai này hoàn toàn không có căn cứ pháp luật, không phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong suốt thời gian vừa qua.

(có văn bản trình bày ý kiến kèm theo).

Ý kiến bảo vệ quyền lợi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ý kiến bảo vệ quyền lợi của công ty Upexim:

Luật sư Lê Thị Hương trình bày ý kiến như sau:

-Tại phiên tòa phúc thẩm lần này, lần đầu tiên, bị cáo Trương V thừa nhận rằng hợp đồng hợp tác kinh doanh số 002 là hợp đồng giả tạo, thực chất đây là hợp đồng vay tài sản giữa hai bên công ty Upexim và công ty T;

-Sự thừa nhận nói trên của bị cáo Trương V là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ và tình tiết sau đây: -biên bản họp Hội đồng quản trị của công ty Upexim ngày 24/07/2010 (nội dung là đồng ý để cho công ty T góp vốn hợp tác kinh doanh đối với căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1) chỉ là bản trích lại, trong khi hồ sơ vụ án thể hiện rằng không có toàn văn bản biên bản họp Hội đồng quản trị để từ đó trích ra biên bản ngày 24/07/2010; biên bản trích này (biên bản số 459) có sự sửa chữa ngày (ngày 27/07/2010 sửa thành ngày 24/07/2010); chữ ký của ông Nguyễn Thiên Thao trong biên bản này là chữ ký giả (đã được giám định chữ ký); bị cáo Trương V thừa nhận rằng Hội đồng quản trị không tổ chức họp (mà do bị cáo gọi điện thoại cho từng thành viên Hội đồng quản trị và nói họ ký tên vào biên bản); tại thời điểm ký kết hợp đồng số 002, căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1 chưa được công ty quản lý nhà Thành phố Hồ Chí Minh tái ký hợp đồng cho công ty Upexim thuê; điều lệ của công ty Upexim và quy chế tài chính của công ty Upexim không cho phép Hội đồng quản trị được quyền cho phép thực hiện giao dịch với số tiền lớn hơn 20% vốn điều lệ (giao dịch số tiền 60 tỷ đồng, vào lúc đó, phải do Đại hội đồng cổ đông công ty Upexim quyết định); công ty T không chuyển khoản toàn bộ số tiền 60 tỷ đồng cho công ty Upexim (có một phần tiền trả bằng tiền mặt) và công ty Upexim cũng không dùng số tiền này để trả tiền mua nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1 khi Nhà nước bán chỉ định;

-Như vậy, hợp đồng số 002 chỉ là hợp đồng giả tạo, không có hiệu lực. Tòa án cấp sơ thẩm xác định rằng công ty T được sở hữu 50% giá trị nhà, đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1, là không có căn cứ pháp luật. Hợp đồng số 002 là một giao dịch dân sự. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giao dịch dân sự này trong vụ án hình sự, là không đúng thủ tục tố tụng;

-Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, giải quyết việc tranh chấp về hợp đồng số 002 theo thủ tục dân sự và xác định rằng đây là hợp đồng vô hiệu.

Luật sư Lưu Tấn Anh Toàn trình bày ý kiến như sau:

-Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên công ty Upexim phải trả lại cho bị cáo Trương V số tiền 72,2 tỷ đồng mà bị cáo đã lấy của công ty **K C X**, là không có căn cứ pháp luật.

Luật sư Vũ Phi Long trình bày ý kiến như sau:

-Đã có lời khai mới của bị cáo Trương V tại phiên tòa phúc thẩm lần này: bị cáo thừa nhận rằng hợp đồng hợp tác kinh doanh số 002 ngày 26/07/2010 là hợp đồng giả tạo. Lời khai này tuy mới, nhưng hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án;

-Tòa án xác định rằng công ty T được sở hữu 50% giá trị nhà, đất tại số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1, là chưa giải quyết hết yêu cầu tranh chấp của hai bên đương sự;

-Về mối quan hệ giữa công ty Upexim và công ty **B H**: toàn bộ 173 hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên, đều là hợp đồng khống. Như vậy, không thể có thiệt hại, là số tiền hơn 144 tỷ đồng, mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc công ty Upexim phải trả cho công ty **B H**.

Ý kiến bảo vệ quyền lợi của Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai— một thành viên công ty TNHH (Dofico):

Luật sư Cao Đức Nhuận trình bày ý kiến như sau:

-Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc công ty Upexim phải trả toàn bộ số tiền thiệt hại hơn 144 tỷ đồng cho Dofico, bởi vì pháp nhân (công ty Upexim) phải chịu toàn bộ trách nhiệm do hành vi của cá nhân thuộc pháp nhân đó, gây ra;

-Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, phân chia trách nhiệm giữa công ty Upexim và bị cáo Trương V, mỗi bên liên đới theo tỷ lệ 50% đối với số tiền hơn 144 tỷ đồng phải bồi thường cho Dofico, là không dựa trên căn cứ pháp luật nào; đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Dofico.

(có văn bản kèm theo).

Ý kiến bảo vệ quyền lợi của Agribank-chi nhánh Sài Gòn:

Luật sư Trần Mỹ Loan trình bày ý kiến như sau:

-Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Agribank-chi nhánh Sài Gòn với công ty Upexim cũng tương tự như hợp đồng ký kết giữa công ty Upexim và công ty T. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không cùng giải quyết hợp đồng tín dụng giữa Agribank-chi nhánh Sài Gòn ký kết với công ty Upexim trong vụ án này, là gây thiệt hại quyền lợi của Agribank-chi nhánh Sài Gòn.

Ý kiến bảo vệ quyền lợi của Agribank-chi nhánh trung tâm Sài Gòn (do ông Đinh Tấn Hiệp, là người đại diện, trình bày):

-Thửa đất số 165 tại tỉnh Bình Dương là tài sản thế chấp, bảo đảm cho khoản tiền vay của công ty Upexim tại ngân hàng. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên rõ ràng để ngân hàng được ưu tiên thu hồi nợ.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tranh luận với các bên tham gia tố tụng và vẫn giữ nguyên những ý kiến đã trình bày nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Trương V:

[1.1]Vào ngày 26/07/2010, công ty cổ phần sản xuất-xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (công ty Upexim) do bị cáo Trương V làm đại diện (bên A) và công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại T (công ty T) do ông Nguyễn Tấn Hiếu làm đại diện (bên B) ký kết “*Hợp đồng hợp tác kinh doanh*” số 002/UPX-TDC/2010 về việc cùng góp vốn đầu tư, mua đất, xây dựng và khai thác tòa nhà tại số 04-06 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; hợp đồng này có những nội dung chính sau đây:

-Hai bên cùng nhau góp vốn để đầu tư, mua đất, xây dựng và khai thác tòa nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1: xây cao ốc văn phòng, dự kiến từ 15 tầng trở lên (nội dung cụ thể sẽ được mô tả chi tiết tại dự án đầu tư);

-Giá trị góp vốn trong giai đoạn đầu để mua khu đất, được xác định là 120 tỷ đồng; mỗi bên góp 50%;

-Bên A được đứng tên chủ sở hữu khu đất và tòa nhà khi xây dựng xong; bên A không được mua-bán; sang nhượng; cầm cố; thế chấp khu đất, kể từ ngày

hai bên ký kết hợp đồng (ngày 26/07/2010) nếu không được sự đồng ý của bên B.

[1.2]Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký kết vào ngày 26/07/2010 giữa công ty Upexim (bên A) và công ty T (bên B) nói trên, là hợp đồng hợp pháp vì những lý do sau đây:

-Hợp đồng được ký kết do sự tự nguyện giữa hai bên;

-Tại buổi họp vào ngày 24/07/2010, Hội đồng quản trị của công ty Upexim đã đồng ý để công ty T tham gia góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh dự án cao ốc văn phòng tại số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1. Sau đó, việc hợp tác kinh doanh giữa hai bên (công ty Upexim và công ty T) cũng được thông qua tại đại hội cổ đông của công ty Upexim (thể hiện tại báo cáo ngày 18/05/2011 về phương hướng hoạt động của công ty năm 2011);

-Trong thực tế thực hiện hợp đồng, công ty T đã chuyển giao đủ số tiền 60 tỷ đồng cho công ty Upexim để pháp nhân này làm các thủ tục mua căn nhà số 04-06 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1 theo như thỏa thuận của hai bên. Vào ngày 18/11/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho công ty Upexim “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*” số BA399596 đối với căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu; thời hạn công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là 50 năm.

Cũng cần nói thêm rằng biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 24/07/2010 là hợp pháp vì lý do sau đây:

-Có sự tham gia của thành viên Hội đồng quản trị công ty Upexim và cùng ký biên bản, gồm có Trương V (Chủ tịch HĐQT), bà Nguyễn Ngọc Dung, ông Nguyễn Quốc Ân và ông Phan Văn Ty;

-Chữ ký mang tên “Nguyễn Thiên Thao” (cũng là thành viên HĐQT công ty Upexim) tại biên bản ngày 24/07/2010, tuy đã được giám định và xác định rằng không phải do ông Nguyễn Thiên Thao ký ra (kết luận giám định số 668/C54B ngày 24/04/2014 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh), nhưng kết quả này không ảnh hưởng đến giá trị pháp lý của biên bản, chiếu theo Điều 108; Điều 109; Điều 112 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 đang có hiệu lực tại thời điểm đó.

[1.3]Như vậy, theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của căn nhà số 04-06 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, mặc dù do công ty Upexim đứng

tên (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BA399596 ngày 18/11/2011 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp), nhưng về bản chất, đây là tài sản thuộc sở hữu chung hỗn hợp của công ty Upexim và công ty T, chiếu theo Điều 218 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (hoặc Điều 215 của Bộ luật Dân sự năm 2015), mà trong đó, phần sở hữu của mỗi bên được xác định là 50%.

[1.4] Căn cứ tài liệu, chứng cứ của vụ án, Tòa án có căn cứ xác định rằng bị cáo Trương V đã có hành vi gian dối, che giấu các thông tin về tình trạng pháp lý của căn nhà số 04-06 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, để thực hiện các giao dịch trái pháp luật, nhằm chiếm đoạt tài sản của công ty cổ phần đầu tư **K C X** (công ty **K C X**) và công ty T, cụ thể là chiếm đoạt tiền của hai pháp nhân này; tổng số tiền chiếm đoạt là 144 tỷ đồng, như sau:

-Trong khoảng thời gian từ ngày 16/03/2011 đến ngày 03/12/2011, Trương V che giấu, không cho công ty **K C X** biết về tình trạng pháp lý của căn nhà số 04-06 Hồ Tùng Mậu, quận 1, đã ký kết hợp đồng bán lại tài sản này cho công ty **K C X** để chiếm đoạt 120 tỷ đồng. Kết quả điều tra xác định rằng trong số tiền chiếm đoạt của công ty **K C X**, bị cáo Trương V sử dụng cá nhân 47,8 tỷ đồng; chuyển vào tài khoản của công ty Upexim 72,2 tỷ đồng;

-Vào ngày 12/12/2012 bị cáo Trương V, đại diện công ty Upexim, dùng căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1, làm tài sản thế chấp, vay tiền tại Agribank-chi nhánh Sài Gòn. Bị cáo Trương V không báo cho công ty T biết việc thế chấp này, và sau đó, còn tiếp tục ký kết hợp đồng, chuyển nhượng thêm 20% giá trị căn nhà 04-06 Hồ Tùng Mậu, quận 1, bằng việc ký kết với công ty T bản phụ lục hợp đồng ngày 12/12/2012, điều chỉnh phần vốn góp của công ty T tăng lên thành 70% (tăng 20%), để chiếm đoạt số tiền 24 tỷ đồng. Bị cáo Trương V đã chuyển số tiền chiếm đoạt này, cho công ty Upexim sử dụng. Nhưng vì pháp nhân này là công ty cổ phần (trong đó, cổ phần của bị cáo Trương V chiếm 31,76%) và việc sử dụng số tiền chiếm đoạt do bị cáo Trương V chỉ đạo thực hiện, nên bị cáo Trương V phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền 24 tỷ đồng chiếm đoạt của công ty T.

[1.5] Về việc chiếm đoạt tài sản Agribank quận 1:

Bị cáo Trương V dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ (không còn giá trị) của thửa đất số 50, tờ bản đồ A4 (DC07) tại xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương để thế chấp, vay tiền tại Agribank quận 1, không cho pháp

nhân này biết rằng tài sản này, trước đó, đã được thế chấp tại ngân hàng MB, để chiếm đoạt tiền số tiền 6.943.200.000 đồng.

[1.6] Như vậy, Tòa án có căn cứ kết luận rằng bị cáo Trương V đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điều a Khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) với một tình tiết định khung hình phạt (lừa đảo chiếm đoạt tài sản với giá trị trên 500.000.000 đồng).

[2] Về hành vi “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” của các bị cáo Tổng Thị Bích L, Châu Thị K và Trương V:

Từ năm 2009 đến năm 2013, Tổng Thị Bích L và Châu Thị K câu kết với Trương V, lập những hợp đồng mua-bán (hàng hóa) khống giữa Upexim, **B H** và các pháp nhân trung gian, để từ đó, công ty **B H** có thể dùng được tiền của công ty Dofico hoặc vay được tiền từ ngân hàng. Sau đó, bị cáo Tổng Thị Bích L dùng số tiền vừa nêu, cho công ty Upexim vay; hoạt động này mang bản chất là hoạt động tín dụng của ngân hàng, mặc dù công ty **B H** không được pháp luật cho phép, vi phạm Khoản 2 Điều 8 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Tính đến khi khởi tố vụ án, công ty Upexim còn nợ công ty **B H** tổng số tiền là 144.553.676.891 đồng (chưa tính tiền lãi) của 20 hợp đồng khống, không thể thanh toán, làm cho công ty **B H** (nay là Tổng Công ty Dofico) thiệt hại 144.553.676.891 đồng.

Về thực tế, các hợp đồng mua-bán khống không phát sinh chi phí giao nhận, chi phí vận chuyển, chi phí bốc dỡ hàng hóa nhưng Tổng Thị Bích L và Châu Thị K vẫn thực hiện việc trích khoán chi phí trên tổng giá trị 10 hợp đồng mua-bán khống với các pháp nhân trung gian để lấy ra số tiền 96.982.850 đồng, dùng làm chi phí ngoài sổ sách kế toán, làm cho công ty **B H** bị thiệt hại, vi phạm Khoản 1 Điều 14 Luật Kế toán năm 2003.

Như vậy, có căn cứ kết luận rằng bị cáo Trương V, bị cáo Tổng Thị Bích L và bị cáo Châu Thị K phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” theo Khoản 3 Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) với một tình tiết định khung hình phạt.

[3] Về hành vi “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D:

Tài liệu, chứng cứ của vụ án xác định rằng bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D không trực tiếp thực hiện việc giao-nhận hàng hóa, không kiểm kê hàng hóa tại kho của 20 hợp đồng mua-bán khống giữa công ty **B H**, công ty Upexim và các công ty

trung gian, nhưng vẫn tin tưởng và làm theo chỉ đạo của Tổng Thị Bích L, Châu Thị K, đã ký 17 hóa đơn mua hàng, 03 giấy đề nghị thanh toán tiền hàng, 03 phiếu xuất kho, 19 phiếu nhập hàng của công ty Upexim với các công ty trung gian, để trên cơ sở đó, bị cáo Tổng Thị Bích L, bị cáo Châu Thị K thực hiện hành vi cố ý làm trái pháp luật, làm cho công ty **B H** (nay là Tổng Công ty Dofico) bị thiệt hại số tiền 144.553.676.891 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D đã phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu nghiêm trọng*” theo Khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) với một tình tiết định khung hình phạt.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho các bị cáo khi quyết định hình phạt:

- Các bị cáo Trương V, Tổng Thị Bích L, Nguyễn Thị Mỹ D, Châu Thị K khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải;

- Bị cáo Châu Thị K có người mẹ là liệt sĩ;

- Bị cáo Tổng Thị Bích L và bị cáo Châu Thị K đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả;

- Bị cáo Trương V, trong quá trình làm việc, được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3;

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng:

- Áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trương V, Tổng Thị Bích L, Châu Thị K, Nguyễn Thị Mỹ D;

- Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Tổng Thị Bích L và Châu Thị K;

- Áp dụng Điểm x Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Châu Thị K;

- Áp dụng Điểm v Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trương V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xem xét về các tình tiết khác: gia đình bị cáo Trương V có công với cách mạng; gia đình bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của địa phương); bị cáo Châu Thị K đã có đơn tố cáo trước khi khởi tố vụ án và hiện nay, đang bị bệnh tim (bị cáo không chỉ là con của liệt sĩ, mà còn có bà ngoại của bị cáo là bà mẹ Việt Nam anh hùng; chị của bị cáo là thương binh); bị cáo Trương V được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo Tổng Thị Bích L, Châu Thị K có nhiều thành tích trong công

tác, áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Bị cáo Trương V bị xét xử về hai tội phạm; đồng thời bị cáo đã bị Tòa án quân sự Trung ương xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và bị xử phạt 12 năm tù (bản án số 04/2018/HS-PT2 ngày 09/08/2018). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trương V.

[5]Xét kháng cáo về phần hình sự:

Với những tình tiết, chứng cứ phân tích nói trên, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo về phần hình sự của các bị cáo Trương V, Tống Thị Bích L, Châu Thị K, Nguyễn Thị Mỹ D;

-Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại là công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T xin giảm hình phạt cho bị cáo Trương V;

-Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại là ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) yêu cầu tuyên bố bị cáo Trương V không phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh), chiếm đoạt số tiền 6.943.200.000 đồng.

[6]Xét những kháng cáo về trách nhiệm dân sự:

[6.1]Vào ngày 05/07/2022 và ngày 12/07/2022, bị cáo Trương V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, xin xem xét lại phần trách nhiệm dân sự (phần buộc bị cáo Trương V và công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) liên đới bồi thường cho Tổng công ty công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO) số tiền 144.553.676.891 đồng, theo tỷ lệ mỗi bên là 50%);

[6.2]Vào ngày 12/07/2022, người bị hại là công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, như sau:

-Yêu cầu Tòa án buộc công ty Upexim bồi thường số tiền 24 tỷ đồng (thay vì buộc bị cáo Trương V bồi thường 24 tỷ đồng) cho công ty T; buộc công ty Upexim phải trả cho công ty T lợi tức thu được từ việc khai thác căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1, tính từ ngày 18/11/2011 (ngày mà công ty Upexim được cấp giấy CNQSDĐ).

[6.3] Vào ngày 13/07/2022, người bị hại là công ty cổ phần đầu tư **K C X** có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, như sau:

-Yêu cầu Tòa án tuyên buộc công ty Upexim phải trả lại cho công ty **K C X** số tiền 72,2 tỷ đồng (vì số tiền này đã được hạch toán vào tài khoản công ty Upexim); đối với số tiền còn lại là 47,8 tỷ đồng, yêu cầu buộc bị cáo Trương V liên đới cùng công ty Upexim trả lại cho công ty **K C X** (thay vì như bản án sơ thẩm buộc bị cáo Trương V trả lại 120 tỷ đồng cho công ty **K C X**);

-Yêu cầu xác định công ty **K C X** là người được ưu tiên thanh toán đầu tiên, khi xử lý căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1 và xử lý các tài sản khác của công ty Upexim.

[6.4] Vào ngày 14/07/2022, người bị hại là ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự như sau:

-Yêu cầu Tòa án buộc công ty Upexim phải trả số tiền nợ gốc là 6.943.200.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ, theo hợp đồng tín dụng số 1601-LAV-201200422 ngày 24/12/2012 và hợp đồng thế chấp số 1601-LCP-201100323 ngày 20/12/2011, cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

-Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA163257 ngày 06/10/2010 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho công ty Upexim và giữ nguyên hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM589732 ngày 09/10/2008 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho công ty Upexim;

-Tuyên hủy bỏ việc kê biên thửa đất số 35, tờ bản đồ số 12 tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (thuộc quyền sử dụng của công ty Upexim) để giao cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý tài sản thế chấp này theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết nói trên.

[6.5] Vào ngày 12/07/2022, ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh Trung tâm Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, như sau:

-Yêu cầu giải tỏa việc kê biên thửa đất số 165, tờ bản đồ số 12, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI834044 ngày 02/07/2007 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho công ty Upexim và giao tài sản này cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh Trung tâm Sài Gòn được quyền xử lý để thu hồi nợ theo

hợp đồng tín dụng số 1604-LAV-201000932 ngày 29/11/2010 và hợp đồng thế chấp số 1604-LCP-201000589 ngày 18/01/2011 tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Bình Dương (đăng ký thế chấp vào ngày 20/01/2011 tại Văn phòng Đăng ký QSDĐ tỉnh Bình Dương);

-Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận việc giải tỏa thửa đất số 165, tờ bản đồ số 12, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên nói trên, thì yêu cầu Tòa án tuyên rõ việc phát mại thửa đất và ưu tiên thanh toán khoản nợ của công ty Upexim đối với ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh Trung tâm Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nói trên.

[6.6] Vào ngày 12/07/2022, Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai— một thành viên công ty TNHH (DOFICO) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, như sau:

-Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo Trương V và công ty Upexim liên đới (theo tỷ lệ mỗi bên là 50%) bồi thường số tiền 144.553.676.891 đồng cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai— một thành viên công ty TNHH, là không đúng bởi vì pháp nhân (công ty Upexim) phải chịu trách nhiệm về hành vi của bị cáo Trương V - nhân danh công ty Upexim - xác lập với **B H**.

[6.7] Vào ngày 12/07/2022 và ngày 15/07/2022, công ty cổ phần sản xuất-xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, như sau:

-Yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng hợp tác kinh doanh số 002/UPX-TDC ký kết vào ngày 26/07/2010 giữa công ty Upexim và công ty T là giao dịch trái pháp luật, phải giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi các bên liên quan có yêu cầu;

-Bản án sơ thẩm buộc công ty Upexim phải trả số tiền 72,2 tỷ đồng cho bị cáo Trương V là không đúng; lý do như sau: bị cáo Trương V chuyển về công ty Upexim số tiền 72,2 tỷ đồng (là một phần trong tổng số tiền 120 tỷ đồng mà bị cáo Trương V nhận của công ty **K C X**) nhưng bị cáo đã tiêu dùng cho cá nhân là 57.598.770.343 đồng. Vì vậy, công ty Upexim chỉ phải chịu trách nhiệm về số tiền còn lại là 14.601.229.657 đồng;

-Yêu cầu Tòa án không buộc công ty Upexim phải trả lại cho bị cáo Trương V số tiền 6.943.200.000 đồng vì công ty Upexim không sử dụng số tiền này (số tiền vay từ Agibank quận 1);

-Giữa công ty Upexim và công ty **B H** không có bất kỳ giao dịch vay tiền nào, nhưng Tòa án sơ thẩm buộc công ty Upexim liên đới với bị cáo Trương V

bồi thường cho Tổng công ty công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO) số tiền 144.553.676.891 đồng (theo tỷ lệ mỗi bên là 50%), là không đúng pháp luật.

[6.8] Vào ngày 13/07/2022, ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chỉ nhánh Sài Gòn, có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, như sau:

-Agribank-chỉ nhánh Sài Gòn nhận thế chấp căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1 để bảo đảm cho khoản tiền vay 110 tỷ đồng của công ty Minh Quân và công ty Toàn Cầu (đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất-Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08/05 và 28/05/2012).

Vì vậy, yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm, cho phép Agribank-chỉ nhánh Sài Gòn được quyền phát mại tài sản là căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu nói trên để thu hồi nợ;

-Yêu cầu Tòa án giải tỏa việc ngăn chặn giao dịch đối với thửa đất tại số 55/5 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 28, quận Bình Thạnh để Agribank-chỉ nhánh Sài Gòn có thể thu hồi nợ.

[7] Xét những kháng cáo nói trên, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy như sau:

[7.1] Đối với hành vi chiếm đoạt tiền của công ty T:

-Bị cáo Trương V đã chiếm đoạt số tiền 24 tỷ đồng của công ty T, bị cáo phải bồi thường số tiền này cho công ty T.

Nhưng xét thấy, số tiền 24 tỷ đồng đã được bị cáo Trương V dùng trả nợ cho khoản vay của công ty Upexim tại Vietcombank Vĩnh Lộc. Do vậy, công ty Upexim phải trả lại cho bị cáo Trương V số tiền 24 tỷ đồng.

[7.2] Đối với việc chiếm đoạt số tiền 120 tỷ đồng của công ty **K C X**: bị cáo Trương V đã chiếm đoạt số tiền này của công ty **K C X**; buộc bị cáo phải trả lại cho công ty **K C X** số tiền này.

Nhưng xét thấy, kết quả điều tra vụ án xác định rằng bị cáo Trương V chỉ chiếm đoạt, sử dụng cho cá nhân 47,8 tỷ đồng; số tiền còn lại 72,2 tỷ đồng đã được nhập quỹ, hạch toán và ghi nhận trên sổ sách kế toán của công ty Upexim nên cần buộc công ty Upexim phải trả lại cho bị cáo Trương V số tiền 72,2 tỷ đồng.

[7.3] Đối với việc chiếm đoạt tiền của Agribank-chỉ nhánh quận 1:

Bị cáo Trương V sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ (không còn giá trị) của thửa đất số 50, tờ bản đồ A4 (DC07) tại xã An Phú, huyện Thuận

An, tỉnh Bình Dương để thế chấp, vay tiền tại Agribank quận 1 nhằm chiếm đoạt số tiền 6.943.200.000 đồng. Do đó, phải buộc bị cáo trả lại tiền cho Agribank-chỉ nhánh quận 1 số tiền 6.943.200.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định rằng số tiền 6.943.200.000 đồng đã được công ty Upexim dùng chi trả cho hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy, cần buộc công ty Upexim phải trả lại cho bị cáo Trương V số tiền 6.943.200.000 đồng.

Hiện nay, thửa đất số 50, tờ bản đồ A4 (DC07) tại xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương có hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, như sau: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM589732 ngày 09/10/2008 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA163257 ngày 06/10/2010, cùng do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp cho công ty Upexim.

Trong vụ án hình sự này, Tòa án chỉ xác định rằng hành vi mà bị cáo Trương V đã thực hiện (vào năm 2010, bị cáo Trương V chỉ đạo cho nhân viên của công ty Upexim báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM589732 ngày 09/10/2008 để từ đó, được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, số BA163257 ngày 06/10/2010, nhằm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản), là hành vi phạm pháp hình sự. Đối với việc xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào (của thửa đất số 50, tờ bản đồ A4 (DC07) tại xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương) cần phải hủy bỏ và sẽ phải hủy bỏ như thế nào, thì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong vụ án hình sự này.

[7.4]Đối với việc gây thiệt hại cho công ty **B H** (nay là Dofico):

Bị cáo Trương V, bị cáo Tổng Thị Bích L, bị cáo Châu Thị K đã dùng các hợp đồng mua-bán hàng hóa khống, vay tiền ngân hàng, vay tiền của Dofico, rồi chuyển tiền cho công ty Upexim vay, gây thiệt hại cho Dofico số tiền là 144.553.676.891 đồng.

Nhưng kết quả điều tra và tại phiên tòa xác định rằng bị cáo Trương V là người chỉ đạo việc thực hiện các hợp đồng khống; các khoản tiền từ các hợp đồng đều được công ty **B H** chuyển trực tiếp vào tài khoản của công ty Upexim; bị cáo Tổng Thị Bích L, bị cáo Châu Thị K không được hưởng lợi từ việc mua-bán khống. Vì vậy, phải buộc bị cáo Trương V và công ty Upexim chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho Dofico số tiền 144.553.676.891 đồng.

[7.5]Đối với số tiền 96.982.850 đồng do các bị cáo Châu Thị K và Tổng Thị Bích L lập khống chứng từ giao-nhận hàng hóa để sử dụng ngoài sổ sách kế toán, gây thiệt hại cho công ty **B H**; các bị cáo Tổng Thị Bích L, Châu Thị K

phải liên đới bồi thường lại số tiền đó. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị cáo Tống Thị Bích L đã khắc phục số tiền 538.816.425 đồng, bị cáo Châu Thị K khắc phục số tiền 38.816.425 đồng.

Như vậy, toàn bộ số tiền 96.982.850 đồng sẽ được trừ vào số tiền mà bị cáo Tống Thị Bích L và Châu Thị K đã nộp; số tiền còn lại là 480.650.000 đồng cùng với số tiền 415.719.900 đồng (gồm: 109.126.006 đồng và 306.593.894 đồng) do công ty Gia Kim và 131.038.050 đồng do công ty TNHH Căn Viên đã nộp, sẽ được trừ vào số tiền mà bị cáo Trương V và công ty Upexim phải liên đới bồi thường cho công ty Dofico. Do đó, số tiền còn lại mà bị cáo Trương V và công ty Upexim phải liên đới bồi hoàn cho công ty Dofico chỉ còn là 143.526.268.941 đồng.

[7.6] Về mối quan hệ giữa bị cáo Trương V và công ty Upexim liên quan đến việc Trương V chỉ đạo chi sử dụng tiền của Upexim trong thời gian Trương V làm lãnh đạo công ty Upexim: đây là một quan hệ pháp luật khác, Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7.7] Đối với các tài sản đang bị kê biên trong vụ án gồm:

[7.7.1] Tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại số 04-06 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh:

Đây là tài sản liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo Trương V, là vật chứng vụ án. Công ty T được sở hữu 50% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của căn nhà số 04-06 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (trong thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp).

Bị cáo Trương V che giấu tình trạng pháp lý của căn nhà số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1, dùng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại số 04-06 Hồ Tùng Mậu, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Như vậy, phần 50% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 04-06 Hồ Tùng Mậu (được cấp trong thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp) thuộc về công ty T là chứng cứ chứng minh hành vi lừa đảo của bị cáo Trương V. Do đó, nhà và đất tại số 04-06 Hồ Tùng Mậu là vật chứng của vụ án, cần giải quyết trong vụ án này theo luật định, cụ thể như sau:

-Giao lại 50% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của căn nhà số 04-06 Hồ Tùng Mậu cho công ty T;

-Đối với 50% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 04-06 Hồ Tùng Mậu còn lại, là tài sản của công ty Upexim. Tuy nhiên, công ty Upexim vẫn còn nhiều nghĩa vụ dân sự phải thực hiện trong vụ án này. Mặt khác, kết quả điều tra xác định rằng bị cáo Trương V (và đồng phạm) không bị

xem xét, xử lý về hành vi vay tiền tại ngân hàng Agribank- chi nhánh Sài Gòn, nên việc thu hồi khoản nợ của hợp đồng tín dụng số 1600-LCP-201200354 chưa được xem xét trong vụ án hình sự này (sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu). Do đó, để bảo đảm quyền lợi của các bên tham gia tố tụng, Tòa án xét thấy cần tiếp tục kê biên quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa điểm số 04-06 Hồ Tùng Mậu để bảo đảm cho việc giải quyết mối quan hệ thế chấp giữa công ty Upexim và ngân hàng Agribank-chi nhánh Sài Gòn (liên quan đến 50% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 04-06 Hồ Tùng Mậu thuộc sở hữu của công ty Upexim)

[7.7.2] Về mối quan hệ giữa công ty T và công ty Upexim liên quan đến lợi nhuận phát sinh từ khai thác, sử dụng căn nhà 4-6 Hồ Tùng Mậu:

Đây là một quan hệ pháp luật khác, sẽ được giải quyết khi các bên có yêu cầu; không thể cùng xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết, nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét kháng cáo của công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T.

Tòa án cấp phúc thẩm cũng không chấp nhận kháng cáo của công ty T đòi được quyền quản lý nhà, đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1, bởi vì như đã nhận định nói trên, mối quan hệ giữa công ty T và công ty Upexim liên quan đến việc khai thác, sử dụng căn nhà 4-6 Hồ Tùng Mậu, quận 1, là một quan hệ pháp luật khác, sẽ được giải quyết khi các bên có yêu cầu; không thể cùng xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7.7.3] Các tài sản đang bị kê biên còn lại, gồm có:

-Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 12, tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, diện tích là 8.323 m²; giấy chứng nhận QSDĐ số AP 934496 ngày 25/09/2009 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho công ty Upexim; tài sản này đang thế chấp cho Agribank-chi nhánh quận 1 theo hợp đồng thế chấp số 1601-LCP-201100322 (giá trị tài sản được xác định là 4.098.000.000 đồng, bảo đảm cho khoản tín dụng của công ty Upexim là 3.073.500.000 đồng). Đây là tài sản của công ty Upexim, cần tiếp tục kê biên để bảo đảm việc xử lý mối quan hệ thế chấp đối với Agribank-chi nhánh quận 1 theo luật định;

-Thửa đất số 165, tờ bản đồ số 12, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, diện tích 43.888,6 m²; giấy chứng nhận QSDĐ số T00 737/CN-2007 ngày 02/07/2007 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho công ty Upexim; tài sản này đang thế chấp cho Agribank-chi nhánh Phú Nhuận theo hợp đồng thế chấp số 1604-LCP-201000589 (giá trị tài sản được xác định là 24.544.744.000 đồng,

bảo đảm cho khoản tín dụng của công ty Upexim là 18.400.000.000 đồng). Ngoài ra, tài sản này còn đang thế chấp cho ngân hàng Đông Á-chi nhánh quận 1 theo hợp đồng thế chấp số 5819/HĐTC ngày 11/6/2009 (tài sản được xác định giá trị là 36.677.000.000 đồng bảo đảm cho khoản tín dụng của công ty Upexim là 25 tỷ đồng). Đây là tài sản này thuộc sở hữu của công ty Upexim, cần tiếp tục kê biên để bảo đảm cho việc xử lý mối quan hệ thế chấp đối với ngân hàng Đông Á-chi nhánh quận 1; Agribank-chi nhánh Phú Nhuận (hiện nay, Agribank-chi nhánh Trung tâm Sài Gòn là đơn vị kế thừa quyền và nghĩa vụ) theo luật định.

Sau khi xử lý xong các mối quan hệ thế chấp nói trên, số tiền còn lại sẽ được chuyển vào tài khoản của cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền, dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của công ty Upexim trong vụ án này và các nghĩa vụ dân sự khác của công ty Upexim (nếu có).

[7.7.4]Đối với những tài sản bị ngăn chặn giao dịch:

-Đối với thửa đất số 50 tờ bản đồ A4 tại xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương (gọi tắt là thửa đất số 50):

Vào ngày 27/10/2008, công ty Upexim, do Trương V làm đại diện, ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Agribank quận 1) để vay số tiền 4,8 tỷ đồng; tài sản thế chấp là thửa đất số 50, tờ bản đồ A4 (DC07) tại xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) số AM589732 ngày 09/10/2008 do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Dương cấp.

Đến ngày 19/03/2009, công ty Upexim đã tắt toán khoản nợ và thanh lý hợp đồng tín dụng, nhưng giấy chứng nhận QSDĐ này vẫn để tại Agribank quận 1, không thể chấp cho bất cứ khoản vay nào.

Đến năm 2010, Trương V chỉ đạo cho nhân viên của công ty Upexim báo mất giấy chứng nhận QSDĐ số AM589732 ngày 09/10/2008. Sau đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ mới, mang số BA163257 ngày 06/10/2010 cho thửa đất số 50.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ phân tích nói trên, thì có căn cứ kết luận rằng kể từ ngày 06/10/2010, giấy chứng nhận QSDĐ mới, mang số BA163257 của thửa đất số 50, có giá trị pháp lý.

Vào ngày 24/10/2010, HĐQT công ty Upexim ủy quyền cho ông Chu Ngọc Sơn-Trưởng Phòng kế toán công ty Upexim, ký kết hợp đồng số

248.10.702.2323.BD, thế chấp thửa đất số 50 (theo giấy chứng nhận QSDĐ số BA163257 ngày 06/10/2010) cho ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - chi nhánh Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là MB Chợ Lớn), bảo đảm cho số tiền vay 10 tỷ đồng của công ty Upexim; hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Dương và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký QSDĐ tỉnh Bình Dương.

Như vậy, những giao dịch dân sự tiếp sau đó giữa công ty Upexim và Agribank quận 1 dựa trên giấy chứng nhận QSDĐ mang số AM589732 ngày 09/10/2008 của thửa đất số 50, là giao dịch dân sự vô hiệu do trái pháp luật; sự trái pháp luật này xuất phát từ hành vi gian dối của bị cáo Trương V, là hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của Agribank quận 1.

Do đó, việc ngân hàng Agribank quận 1 kháng cáo, yêu cầu công nhận hợp đồng tín dụng số 1601LAV201200422 ngày 24/12/2012 là hợp pháp và cho phép ngân hàng được quyền xử lý đối với thửa đất số 50, là không có căn cứ pháp luật.

Về mặt pháp lý, thửa đất số 50 tờ bản đồ A4 tại xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương là tài sản của công ty Upexim. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm duy trì ngăn chặn, để bảo đảm những nghĩa vụ của công ty Upexim, là có căn cứ pháp luật.

-Thửa đất số 828, tờ bản đồ thứ 1, diện tích 6.860 m² tại số 55/5 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 28, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh: quyết định giao đất số 3595/QĐ-UB-QLĐT 27/10/1994 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, chủ sở hữu là công ty Upexim. Tài sản này đang thế chấp cho ngân hàng Agribank-chi nhánh Sài Gòn; đây là tài sản của công ty Upexim, cần duy trì ngăn chặn để bảo đảm cho việc giải quyết mối quan hệ thế chấp giữa công ty Upexim và ngân hàng Agribank-chi nhánh Sài Gòn và các nghĩa vụ khác của công ty Upexim.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 330; Điều 345; Điều 355 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;

1/Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương V, bị cáo Tống Thị Bích L, bị cáo Châu Thị K và bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D;

-Không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại: công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T; công ty cổ phần đầu tư **K C X**; ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh 1);

-Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **công ty cổ phần Xuất nhập khẩu B H** (nay là Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO); công ty cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM); ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh Sài Gòn; ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh Trung tâm Sài Gòn.

2/Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 300/2022/HS-ST ngày 11/08/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

2.1/Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 139; Khoản 3 Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17; Điều 58; Điểm s,v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trương V tù chung thân về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 14 năm tù về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, là tù chung thân.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt tù chung thân của bản án này với hình phạt 12 năm tù của bản án số 04/2018/HS-PT2 ngày 09/08/2018 của Tòa án Quân sự Trung ương, buộc bị cáo Trương V phải chấp hành là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 06/08/2013.

2.2/Căn cứ Khoản 3 Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17; Điều 58; Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Tống Thị Bích L 10 năm tù về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2.3/Căn cứ Khoản 3 Điều 165 của Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17; Điều 58; Điểm b, s, x Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Châu Thị K 08 năm tù về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2.4/Căn cứ Khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D 03 năm tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2.5/Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

-Buộc bị cáo Trương V phải bồi thường số tiền 24.000.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ đồng) cho công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T. Buộc công ty Cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) phải bồi hoàn lại cho bị cáo Trương V số tiền 24.000.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ đồng);

-Buộc bị cáo Trương V phải bồi thường cho công ty cổ phần đầu tư **K C X** số tiền 120.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tỷ đồng). Buộc công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) phải bồi hoàn lại cho bị cáo Trương V số tiền 72.200.000.000 đồng (bảy mươi hai tỷ hai trăm triệu đồng);

-Buộc bị cáo Trương V phải bồi thường cho ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh quận 1) số tiền 6.943.200.000 đồng (sáu tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng). Buộc công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) phải bồi hoàn lại cho bị cáo Trương V số tiền 6.943.200.000 đồng (sáu tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng);

-Buộc bị cáo Trương V và công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) liên đới bồi thường cho Tổng công ty công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO) số tiền 144.553.676.891 đồng (một trăm bốn mươi bốn tỷ năm trăm năm mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi một đồng) (theo tỷ lệ mỗi bên là 50%);

-Buộc các bị cáo Tống Thị Bích L, Châu Thị K phải liên đới bồi thường lại cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO) số tiền 96.982.850 đồng (các bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ này - theo nhận định ở phía dưới).

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện khắc phục của bị cáo Tống Thị Bích L số tiền 538.816.425 đồng; bị cáo Châu Thị K số tiền 38.816.425 đồng để khắc phục hậu quả cho hành vi cố ý làm trái mà các bị cáo đã gây ra. Giao toàn bộ số tiền mà các bị cáo Tống Thị Bích L, Châu Thị K đã tự nguyện nộp và số tiền mà các công Ty TNHH TM và đầu tư Gia Kim, công ty TNHH Căn Viên đã nộp, cho công ty Dofico để khắc phục hậu quả của vụ án. Theo đó, toàn bộ số tiền 96.982.850 đồng đã được khấu trừ vào số tiền mà bị cáo Tống Thị Bích L, Châu Thị K đã khắc phục; số tiền còn lại trong số tiền mà các bị cáo Tống Thị Bích L và Châu Thị K đã nộp là 480.650.000 đồng cùng với số tiền 415.719.900 đồng do công Ty TNHH TM và đầu tư Gia Kim và số tiền 131.038.050 đồng do công ty TNHH Căn Viên đã nộp sẽ được trừ vào số tiền mà bị cáo Trương V và công ty Upexim phải bồi hoàn cho công ty Dofico. Theo đó, số tiền còn lại mà bị cáo Trương V và công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) còn phải liên đới bồi hoàn cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – MTV công ty TNHH (DOFICO) (theo tỷ lệ 50/50) là 143.526.268.941 đồng;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 546.757.950 đồng do Công Ty TNHH TM và đầu tư Gia Kim và công ty TNHH Căn Viên nộp lại để đảm bảo thi hành án (theo các giấy nộp tiền ngày 27/05/2014; 07/10/2014; 20/01/2015 vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an)

Tiếp tục tạm giữ số tiền mà bị cáo Tống Thị Bích L nộp là 538.816.425 đồng và số tiền bị cáo Châu Thị K nộp là 38.816.425 đồng để bảo đảm thi hành án (theo biên lai thu số AA/2019/0024317 ngày 20/08/2019, AA/2016/0033814 ngày 23/03/2017, AA/2019/0024230 ngày 20/08/2019 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Đối với quan hệ tranh chấp giữa bị cáo Trương V và công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) liên quan đến việc Trương V chỉ đạo chi sử dụng tiền của công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) trong thời gian Trương V làm lãnh đạo công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản

và hàng tiểu thủ công nghiệp (UPEXIM), đây là một quan hệ pháp luật khác, không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Tiếp tục duy trì lệnh kê biên số 01/C46B (P10) ngày 29/08/2013 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Bộ Công an đối với quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 4-6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 399596 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/11/2011) để bảo đảm giải quyết những vấn đề sau đây:

-Xác định 50% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 4-6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc về công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T;

-Đối với 50% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 4-6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh còn lại, thuộc công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiểu thủ công nghiệp (UPEXIM), dùng để bảo đảm việc giải quyết hợp đồng tín dụng số 1600 – LCP – 201200354 ngày 28/05/2012 với ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh Sài Gòn) theo quy định pháp luật.

Về lợi nhuận phát sinh từ việc khai thác, sử dụng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 4-6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các bên có thể khởi kiện bằng thủ tục tố tụng khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Đối với nhà, đất tại số 251/6 Nguyễn Văn Trỗi, phường 10, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở với hồ sơ gốc số 25789/2001 và 30537/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp), Hội đồng xét xử xét các quan hệ tranh chấp liên quan đến tài sản này giữa bị cáo Trương V, bà Lâm Ngọc Lan, công ty cổ phần sản xuất-xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiểu thủ công nghiệp (UPEXIM), ngân hàng TMCP Đông Á (chi nhánh quận 1) và những người liên quan (nếu có) là quan hệ pháp luật khác, không liên quan trực tiếp đến vụ án nên xét cần tách ra, không giải quyết trong vụ án này. Vụ việc sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác nếu công ty cổ phần sản xuất- xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiểu thủ công nghiệp (UPEXIM) hay các bên liên quan có yêu cầu. Hội đồng xét xử duy trì lệnh kê biên đối với tài sản này để bảo đảm cho việc giải quyết mỗi quan hệ giữa các bên; việc kê biên đối với tài sản sẽ đương nhiên

chấm dứt khi các bên giải quyết, xử lý xong về quan hệ pháp luật phát sinh giữa các bên liên quan đến tài sản này.

Tiếp tục kê biên tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 110 Bộ địa chính phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, tại số 301 quốc lộ 1A, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 22.940,7 m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số AN 015665 do Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/11/2008 để bảo đảm cho việc quản lý, xử lý quan hệ thế chấp giữa công ty cổ phần sản xuất-xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) với ngân hàng TMCP Đông Á (chi nhánh quận 1), ngân hàng TMCP Đông Á (chi nhánh quận 5) theo quy định pháp luật.

Tiếp tục kê biên tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 12 tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, diện tích là 8.323 m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số AP 934496 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/09/2009 cho công ty Upexim để bảo đảm quản lý, xử lý quan hệ thế chấp giữa công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) và ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh quận 1) theo quy định pháp luật.

Tiếp tục kê biên tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 12 xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, diện tích là 43.888,6 m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số T00 737/CN-2007 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/07/2007 cho công ty Upexim để bảo đảm quản lý, xử lý quan hệ thế chấp giữa công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) và ngân hàng TMCP Đông Á (chi nhánh quận 1), ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh Trung tâm Sài Gòn) theo quy định pháp luật.

(các tài sản nói trên bị kê biên theo lệnh kê biên số 02/C03-P13 ngày 01/11/2018, lệnh kê biên số 03/C03-P13 ngày 01/11/2018, lệnh kê biên số 04/C03-P13 ngày 01/11/2018, lệnh kê biên số 05/C03-P13 ngày 01/11/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra- Bộ công an).

Do công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) còn có các nghĩa vụ phải thực hiện trong vụ án, nên phần tài sản còn lại (nếu có) sau khi xử lý xong các quan hệ thế chấp các khoản nợ nói trên theo quy định, thì sẽ được chuyển vào tài khoản của cơ quan Thi hành án sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) trong vụ án

này và các nghĩa vụ khác của công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) (nếu có).

Tiếp tục duy trì ngăn chặn giao dịch đối với thửa đất số 50 tờ bản đồ A4 (DC07) tại xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, diện tích 4.418 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 163257 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/10/2010 để bảo đảm nghĩa vụ của công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) trong vụ án này và các nghĩa vụ khác của công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) (nếu có).

Tiếp tục duy trì ngăn chặn giao dịch đối với thửa đất số 828, tờ bản đồ thứ 1, diện tích 6.860 m² số 55/5 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 28, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định giao đất số 3595/QĐ-UB-QLĐT do UBND Thành phố Hồ Chí Minh giao ngày 27/10/1994 để bảo đảm cho việc giải quyết quan hệ thế chấp giữa công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) và ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-chi nhánh Sài Gòn và các nghĩa vụ khác của công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) (nếu có).

(các thửa đất nói trên bị ngăn chặn giao dịch theo các công văn số 936/C46B (P10), 937/C46B (P10), 940/C46B (P10), 938/C46B (P10), 945/C46B (P10) ngày 05/11/2013 của cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an).

Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đã giao cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn số tiền 41.500.000.000 đồng do công ty cổ phần đầu tư **K C X** nộp lại.

2.6/Về án phí sơ thẩm:

-Bị cáo Trương V, bị cáo Tổng Thị Bích L, bị cáo Châu Thị K và bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

-Bị cáo Trương V phải chịu 330.706.334 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

-Công ty cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thủ công nghiệp (UPEXIM) phải chịu 282.906.334 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/Về án phí phúc thẩm:

Bị cáo Trương V, bị cáo Tống Thị Bích L, bị cáo Châu Thị K và bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM(1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai(1);
- Sở Tư pháp TP.HCM(1);
- Cục THADS TP.HCM(1);
- Các bị cáo(1);
- Trại tạm giam B34(1);
- Những người tham gia tố tụng(1);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng